



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 14/2022

Từ 11/04 - 15/04/2022

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

**CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ**

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ**

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI**

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA PHẢI THIẾT THỰC,
HIỆU QUẢ VÀ XUẤT PHÁT TỪ NHÂN DÂN**

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh như vậy tại phiên họp thứ hai của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Sáng ngày 14/4, tại Trụ sở Chính phủ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương nhiệm kỳ 2021 - 2026 họp phiên thứ 2 dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Hội đồng.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu tại cuộc họp

Phát biểu tại phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Hội đồng nhấn mạnh, phiên họp này nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2021, những điểm nhấn quan trọng, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra nhiệm vụ, giải pháp cho năm 2022; thảo luận xem xét khen thưởng bậc cao theo quy định của pháp luật.

Theo Thủ tướng Chính phủ, năm 2021, cùng với thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, giải quyết các vấn đề tồn đọng nhiều năm, chúng ta phải thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đột xuất như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và đặc biệt là phòng, chống dịch COVID-19. Trong bối cảnh đó, phong trào thi đua được phát động sâu rộng và đạt được hiệu quả cao, nhất là phong trào thi đua phòng, chống dịch COVID-19.

Năm 2022, công tác thi đua - khen thưởng tiếp tục bám sát các nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các nghị quyết chuyên đề của Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Trong đó, xác định các trọng tâm, trọng điểm để tổ chức thực hiện hiệu quả.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu các thành viên Hội đồng xem xét kỹ hồ sơ, thảo luận, đề xuất khen thưởng bậc cao đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo quy trình, quy định của pháp luật.

Báo cáo tại cuộc họp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, năm 2021 công tác thi đua - khen thưởng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, phong trào thi đua phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đã động viên các tầng lớp nhân dân và cả hệ thống chính trị tham gia thi đua thực hiện mục tiêu "kép" chung tay phòng chống dịch bệnh COVID-19 và phục hồi phát triển kinh tế, đã góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua thi đua khen thưởng Trung ương phát động tiếp tục được triển khai sâu rộng, hiệu quả, làm nòng cốt trong các phong trào thi đua của cả nước. Các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương đã chỉ đạo triển khai phong trào thi đua tới cơ sở, với nhiều hình thức, biện pháp thiết thực, cụ thể; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện phong trào.

Phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được các bộ, ban, ngành, địa phương tiếp tục phát động, triển khai, tạo không khí thi đua sôi nổi trên khắp cả nước.

Hội đồng đã xây dựng dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) trình Quốc hội; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Kế hoạch 05 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; trình Thủ tướng Chính phủ phát động và ban hành Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 về Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua đặc biệt "Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19".

Năm 2021, Hội đồng đã thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ hơn 3 ngàn tờ trình khen thưởng; thực hiện gần 2.000 quyết định của Chủ tịch nước khen thưởng cho hơn 12.000 trường hợp; trình khen thưởng cấp Nhà nước cho hơn 1.500 tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc tham gia công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Báo cáo cũng chỉ rõ những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022, trong đó tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương và các địa phương phát động phong trào thi đua thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với 12 nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ đã đề ra, phù hợp với nhiệm vụ chính trị và đối tượng của từng bộ, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương và các địa phương.

Tập trung thi đua tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; cải cách hành chính; Thi đua phục hồi và phát triển kinh tế; Thi đua xây dựng và hoàn thiện thể chế; Thi đua phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; Thi đua nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Thi đua đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; Thi đua phát triển văn hóa xã hội; Thi đua quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; Thi đua giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền; Thi đua trong hội nhập quốc tế.

Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19” và các phong trào thi đua trọng tâm do Thủ tướng Chính phủ phát động gắn với Kế hoạch 05 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Tham mưu Thủ tướng Chính phủ phát động phong trào thi đua “Cả nước chung tay phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại” và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; Thực hiện công tác khen thưởng bảo đảm đúng quy định, kịp thời, công khai, minh bạch. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, nỗ lực phấn đấu, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Nâng cao chất lượng, đổi mới hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, phát huy hơn nữa trách nhiệm, vai trò của cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng trong tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

Phát biểu kết luận, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đánh giá cao các cơ quan đã phối hợp chặt chẽ, chuẩn bị chu đáo các tài liệu phục vụ phiên họp; các ý kiến đóng góp thẳng thắn, trách nhiệm, làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, phân tích các nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, bài học kinh nghiệm và phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng trong thời gian tới để tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả.

Thủ tướng Chính phủ giao các cơ quan tiếp thu các ý kiến xác đáng để hoàn thiện các báo cáo theo hướng đầy đủ, toàn diện, sâu sắc hơn. Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, trong năm 2021, nước ta vừa thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, vừa triển khai các nhiệm vụ khác với các năm trước, như tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và 7 hội nghị lớn triển khai Nghị quyết Đại hội, bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, kiện toàn các chức danh lãnh đạo Nhà nước; vừa giải quyết nhiều công việc tồn đọng, kéo dài, vừa xử lý các vấn đề đột xuất, phức tạp, đặc biệt là đợt bùng phát dịch COVID-19 với biến chủng Delta lây lan nhanh hơn, nguy hiểm hơn, khó kiểm soát hơn.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng tình, hưởng ứng của người dân và cộng đồng

doanh nghiệp, sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè, đối tác quốc tế, nước ta đã đạt kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Trong thành công chung của cả nước có sự đóng góp tích cực, hiệu quả của Hội đồng và phong trào thi đua yêu nước, công tác thi đua, khen thưởng. Đặc biệt, trong cuộc chiến chống đại dịch COVID-19, hưởng ứng lời kêu gọi hết sức kịp thời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Thủ tướng Chính phủ đã phát động và ban hành Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 10/9/2021 về kế hoạch triển khai phong trào thi đua đặc biệt "Cả nước đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19". Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16/7/2021 về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và Kế hoạch 5 năm (2021 - 2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", "Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau", "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở"... tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hoạt động sôi nổi, phong phú, toàn diện. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục được quan tâm, như chương trình "Sóng và máy tính cho em" được triển khai tích cực. Các cơ quan tiếp tục hoàn thiện thể chế cho công tác thi đua, khen thưởng, nhất là đã tập trung xây dựng dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) trình Quốc hội cho ý kiến vào tháng 10/2021 và đang tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự án, trình Quốc hội thông qua vào tháng 5/2022. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã ban hành hướng dẫn số 2974/HD-BTĐKT ngày 29/11/2021 về các hình thức biểu dương, khen thưởng và tổ chức gặp mặt các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

"Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phong trào thi đua được phát động kịp thời tới toàn dân, tạo không khí người người thi đua, nhà nhà thi đua, công tác thi đua, khen thưởng được các bộ, ban, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đặc biệt, cuộc chiến chống COVID-19 đã khẳng định và phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc và nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức của người dân ở khắp nơi trên cả nước" - Thủ tướng Chính phủ phát biểu.

Theo Thủ tướng Chính phủ, công tác khen thưởng được thực hiện đúng quy định, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước, kịp thời khen thưởng các trường hợp có thành tích đột xuất, khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất và công tác, khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thi đua, khen thưởng còn bộc lộ một số hạn chế. Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng có nơi, có lúc chưa đầy đủ, dẫn đến hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, việc khen thưởng có nơi, có lúc chưa phản ánh hết được tinh thần yêu nước của nhân dân. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai phong trào thi đua, công tác khen thưởng của một số cấp, ngành chưa thực sự sâu sát. Có nơi, có lúc còn lơ là, chưa bám sát tình hình, chưa quyết liệt, mạnh mẽ, việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thúc

đầy với một số phong trào, hoạt động thi đua còn có những điểm hạn chế, bất cập, nhất là trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Công tác tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, bài học, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến ở một số nơi còn hạn chế. Các hoạt động cụm, khối thi đua chưa đồng đều, đa dạng, chưa được duy trì thường xuyên... Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, kinh nghiệm vừa qua cho thấy, tình hình càng khó khăn, thách thức, phức tạp càng phải thúc đẩy thi đua yêu nước, huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, đất nước vượt qua các khó khăn, thách thức. Năm 2022, tình hình được dự báo sẽ có khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ và thuận lợi. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu công tác thi đua khen thưởng phải cố gắng hơn, nỗ lực hơn, sáng tạo hơn, thiết thực hơn, đi đúng trọng tâm, trọng điểm, phục vụ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, của cấp ủy các cấp. Phải tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả, tránh bệnh hình thức, là phong trào của nhân dân, người dân vừa là trung tâm, vừa là chủ thể, phong trào phải xuất phát từ nhân dân, bắt đầu từ nhân dân, đi sâu vào nhân dân, mang lại lợi ích cho Nhân dân, cho đất nước, người dân có đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Công tác thi đua, khen thưởng phải bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và tình hình thực tiễn. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, phát động phong trào thi đua phù hợp tình hình, yêu cầu nhiệm vụ chính trị đặt ra và hoàn cảnh cụ thể từng nơi, từng lúc, có trọng tâm trọng điểm, kịp thời tổng kết, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo hiệu ứng lan tỏa. Thủ tướng Chính phủ lưu ý, trong nhiệm kỳ này các phong trào thi đua cần góp phần thúc đẩy việc xóa 100.000 căn nhà dột nát tại tất cả 74 huyện nghèo bằng nguồn lực Nhà nước và huy động các nguồn xã hội hóa, trong đó ưu tiên cho người có công, gia đình chính sách, vùng chiến khu cách mạng, những khu vực khó khăn... Thủ tướng Chính phủ lưu ý một số nhiệm vụ như tiếp tục thúc đẩy phong trào thi đua học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hoàn thiện dự án Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản kèm theo để trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Thủ tướng Chính phủ giao Thường trực Hội đồng xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị chuyên đề để đánh giá sâu sắc, toàn diện các phong trào thi đua năm 2021, tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm, tiếp tục củng cố, phát triển, các phong trào đã có, đồng thời nghiên cứu kỹ lưỡng, phát động phong trào mới có trọng tâm, trọng điểm. Cùng với đó, tập trung khắc phục những hạn chế, bất cập được chỉ ra tại phiên họp, tiếp tục kiểm tra, rà soát, bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, đúng người, đúng việc, đúng đối tượng, kịp thời, dứt khoát chống tiêu cực, "chạy chọt" trong thi đua khen thưởng, tránh "vừa khen thưởng xong lại xem xét kỷ luật". Thủ tướng Chính phủ yêu cầu kiện toàn bộ máy làm công tác thi đua khen thưởng các cấp gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, phẩm chất, uy tín; tiếp tục đổi mới phương pháp làm việc để triển khai tốt hơn các nhiệm vụ được giao.

Nguồn: vov.vn

NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT

Ngày 06/4, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Văn bản số 301/TTg-PL yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật. Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải trực tiếp lãnh đạo và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng pháp luật.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế luôn được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, là một trong ba đột phá chiến lược, tạo cơ sở pháp lý, môi trường an toàn, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Ngay từ phiên họp đầu tiên triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn tại Kỳ họp thứ II, Quốc hội khóa XIV, Chính phủ đã xác định công tác xây dựng thể chế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện. Từ đó đến nay, Chính phủ đã tổ chức 06 phiên họp, ban hành 06 Nghị quyết chuyên đề về xây dựng pháp luật. Đặc biệt, ngày 16/9/2021, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị toàn quốc của Chính phủ về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trực tiếp lãnh đạo và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng thể chế, pháp luật của Bộ, cơ quan ngang bộ; trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách trình các cơ quan có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tiến độ cũng như chất lượng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Đồng thời, thường xuyên chỉ đạo việc rà soát, đánh giá, tổng kết việc tổ chức thi hành pháp luật, nhằm phát hiện các khó khăn, vướng mắc, gây khó khăn, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đời sống của Nhân dân, các vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn.

Hàng tháng thống kê các dự án, dự thảo chậm tiến độ, không thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục, chất lượng kém

Thủ tướng Chính phủ lưu ý, trong quá trình xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cần tuân thủ đúng quy định, quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là: tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, chương trình được đề ra, nhất là các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong chương trình của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo, lắng nghe ý kiến nhiều chiều, tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, tham vấn ý kiến, nhất là ý kiến

Nguồn: baochinhphu.vn

BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Ngày 06/4, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ký Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Chỉ đạo này.

Mục tiêu của Kế hoạch là nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành của các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo) trong công tác cải cách hành chính, tạo đột phá trong cải cách hành chính năm 2022. Thực hiện có hiệu quả, chất lượng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

Gắn kết công tác cải cách hành chính của các Bộ, ngành, địa phương với việc xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả của cải cách hành chính.

Thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần đảm bảo thực hiện có chất lượng những nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

Về công tác chỉ đạo, điều hành, các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.

Quý II năm 2022, Bộ Nội vụ triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022.

Về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính, năm 2022, các bộ, ngành và địa phương kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh

doanh giai đoạn 2020 - 2025, bảo đảm chỉ tiêu cắt giảm, đơn giản hóa số quy định, chi phí tuân thủ, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đạt ít nhất 10%.

Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thống kê, rà soát, đơn giản hóa, công bố, công khai thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau; hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp bộ, cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022, tại Bộ phận Một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022 theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các bộ, ngành, địa phương dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực.

Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính tổ chức đối thoại với doanh nghiệp; nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; cho ý kiến về phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành do các bộ, ngành đề xuất; khảo sát, đánh giá và công bố thường niên Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức

Về cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, Bộ Nội vụ tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, địa phương bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế; quyết định phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.

Đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn

Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn; tổ chức thực hiện và đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ trong Quyết định số

942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức thực hiện và đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ trong Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Các Bộ, ngành và địa phương triển khai hiệu quả mô hình dịch vụ công trực tuyến; rà soát, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương, tích hợp, cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN.

Văn phòng Chính phủ tiếp tục phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cung cấp Dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, gồm: Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Cổng dịch vụ công quốc gia; vận hành Cơ sở dữ liệu và Cổng tham vấn quy định kinh doanh.

Kế hoạch yêu cầu, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính một cách hiệu quả. Triển khai có kết quả một số nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính năm 2022. Xác định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thành viên Ban Chỉ đạo cần chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

ĐẾN NĂM 2025, KHO BẠC NHÀ NƯỚC VẬN HÀNH DỰA TRÊN DỮ LIỆU SỐ

Ngày 13/4/2022, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 455/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030 (Chiến lược) với mục tiêu đến năm 2025, Kho bạc Nhà nước vận hành dựa trên dữ liệu số và hoàn thành nền tảng Kho bạc số.

Chiến lược cũng đặt mục tiêu đến năm 2025, cơ bản toàn bộ các giao dịch thu, chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo phương thức điện tử (trừ các giao dịch thuộc phạm vi bí mật nhà nước); liên thông dữ liệu số của các khâu lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước; chia sẻ thông tin, dữ liệu thu, chi ngân sách nhà nước theo thời gian thực; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo hướng kiểm soát theo rủi ro. Sau năm 2025, tập trung nghiên cứu, phát triển

các dịch vụ theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước; đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Kho bạc số.

Phần đầu kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu Chính phủ đạt từ 9 - 11 năm, lãi suất và chi phí phát hành hợp lý, góp phần cơ cấu lại, tăng tính an toàn, bền vững nợ công.

Trước năm 2025, chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng các điều kiện về cơ chế, chính sách, quy trình nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin để đến năm 2030, cơ bản hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình kho bạc 2 cấp và giảm được ít nhất 15% biên chế so với năm 2020.

Từng bước hình thành Kho bạc số

Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chiến lược là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từng bước hình thành Kho bạc số.

Cụ thể, xây dựng và triển khai kiến trúc công nghệ thông tin của Kho bạc Nhà nước phù hợp với kiến trúc Chính phủ điện tử; trong đó, Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số đóng vai trò là hệ thống lõi, có sự kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống khác có liên quan.

Bên cạnh đó, số hóa các nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước và cung cấp dữ liệu mở về tài chính - ngân sách nhà nước thông qua việc nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc và các hệ thống liên quan thành Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số dựa trên công nghệ hiện đại, cho phép cung cấp các dịch vụ số, phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị và có khả năng truy cập, khai thác thông tin rộng rãi.

Đồng thời, xây dựng, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa Kho bạc Nhà nước; ứng dụng hiệu quả các công nghệ số như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain),... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Kho bạc số để tối ưu hóa các quy trình quản lý, quản trị và cung cấp dịch vụ của Kho bạc Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống và giải pháp an toàn bảo mật, dự phòng rủi ro; hệ thống giám sát vận hành và giám sát an toàn bảo mật thông tin, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin luôn được vận hành an toàn, ổn định, thông suốt trong mọi tình huống.

Nghiên cứu thí điểm sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình 2 cấp

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu khác của Chiến lược là sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, tiếp tục rà soát để sắp xếp, thu gọn đầu mối Kho bạc Nhà nước cấp huyện; nghiên cứu thí điểm từng bước sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình 2 cấp (tại trung ương là cấp xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức điều hành; tại các đơn vị kho bạc trực thuộc là cấp thực hiện) theo lộ trình phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, việc phân cấp quản lý nhà nước và sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, đảm bảo hoạt động của Kho bạc Nhà nước và việc giao dịch của các tổ chức, cá nhân với Kho bạc Nhà nước được thuận lợi.

Cùng với đó, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động Kho bạc Nhà nước theo vị trí việc làm, có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng; có tính chuyên nghiệp cao, có trình độ, kỹ năng, có năng lực sáng tạo dựa trên cơ chế cạnh tranh về tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và đề bạt, nhằm đáp ứng yêu cầu công vụ và các định hướng cải cách đến năm 2030, phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước. Tăng cường sử dụng các nguồn lực bên ngoài và thực hiện tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng, Chính phủ.

Phát triển đội ngũ lãnh đạo Kho bạc Nhà nước các cấp, đội ngũ công chức nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách tại trung ương có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa của hệ thống Kho bạc Nhà nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, người lao động Kho bạc Nhà nước tại từng cấp, từng đơn vị, phù hợp với việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hiện đại hóa quy trình nghiệp vụ và đổi mới phương thức quản lý.

Xây dựng và triển khai cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI) của từng đơn vị và từng công chức, viên chức, người lao động Kho bạc Nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm, tạo động lực và áp lực để từng đơn vị, từng công chức, viên chức, người lao động tận tụy, trách nhiệm, hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

Cải thiện môi trường làm việc và chủ động triển khai thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách của Đảng, Chính phủ, tạo điều kiện và thúc đẩy tính chủ động, sáng tạo và khơi dậy tinh thần cống hiến trong thực thi công vụ của đội ngũ công chức, viên chức, người lao động.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NGÀNH XÂY DỰNG: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số là một trong những mục tiêu chiến lược của toàn ngành Xây dựng. Hướng tới phát triển ngành Xây dựng hiện đại, tiên tiến và bền vững.

Cụ thể hóa chủ trương chuyển đổi số quốc gia

Trong thời gian qua Bộ Xây dựng đã kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Xây dựng, ban hành các Chương trình, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Xây dựng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, định hướng của Đảng, Chính phủ về chuyển đổi số quốc gia.

Những kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của ngành Xây dựng đã góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực quản lý Nhà nước, công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, tạo thuận lợi giải quyết thủ tục hành chính cho công dân và doanh nghiệp, nổi bật như: Việc đưa vào ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp; sử dụng văn bản điện tử thay cho văn bản giấy; tích hợp phần mềm một cửa điện

tử và Công dịch vụ công để giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ Xây dựng. Hoàn thành xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng phiên bản 2.1.

Bên cạnh đó, xây dựng các hệ thống thông tin, báo cáo kết nối với hệ thống báo cáo của Chính phủ; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng. Bộ cũng đầu tư tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; đảm bảo an ninh bảo mật, an toàn thông tin; nhận thức của cán bộ công nhân viên chức trong ngành về việc ứng dụng các công nghệ số phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và xử lý công việc ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, chuyển đổi số của ngành Xây dựng vẫn đang trong giai đoạn tạo lập dữ liệu số, hoàn chỉnh các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Chưa có bước đột phá trong việc ứng dụng các công nghệ số để thúc đẩy triển khai phát triển Chính phủ số, làm nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số. Việc kết nối, chia sẻ tài nguyên dữ liệu số ngành Xây dựng với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan chậm được triển khai.

Đẩy mạnh tiến trình chuyển đổi số

Mới đây, Bộ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đã ký ban hành Chỉ thị số 02/CT-BXD ngày 06/4/2022 về việc đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Xây dựng hướng tới phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số có yêu cầu các nội dung quan trọng, cụ thể: Xây dựng, hoàn thiện Khung quản lý, quản trị dữ liệu số ngành Xây dựng nhằm mục tiêu quy định về các hoạt động quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số bao gồm: quản lý, quản trị dữ liệu số; kết nối, chia sẻ dữ liệu số; sử dụng, khai thác dữ liệu số của cơ quan nhà nước ngành Xây dựng; cung cấp dữ liệu mở ngành Xây dựng cho tổ chức, cá nhân; quyền và trách nhiệm trong kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ.

Bên cạnh đó, phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung Bộ Xây dựng kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành, địa phương nhằm chia sẻ dữ liệu, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trung tâm Thông tin được giao xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung ngành Xây dựng; nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp để sớm triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số của Bộ. Đồng thời, nâng cấp, phát triển hạ tầng số; triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính phủ số Bộ Xây dựng. Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ.

Theo Giám đốc Trung tâm Thông tin (Bộ Xây dựng) Nguyễn Ngọc Quang thời gian tới đây, Bộ sẽ tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Hệ thống định danh và xác thực điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ chủ động tiến hành rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành hoặc sửa đổi, bổ

sung các quy định pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển đổi số của ngành Xây dựng. Các đơn vị ưu tiên chuyển đổi số các quy trình, thông tin dữ liệu đem lại hiệu quả ngay cho công tác quản lý điều hành của ngành Xây dựng và của đơn vị.

Theo Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin (Bộ Xây dựng) Bạch Minh Tuấn các đơn vị thuộc Bộ sẽ phối hợp với Trung tâm Thông tin triển khai, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành Xây dựng như Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng; cơ sở dữ liệu về kiến trúc; cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị; cơ sở dữ liệu khoáng sản làm vật liệu xây dựng, thông tin ngành vật liệu xây dựng; cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng;... làm căn cứ để sớm triển khai xây dựng các hệ thống phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành của Bộ cũng như các đơn vị trong Ngành.

Báo Xây dựng là một trong các đơn vị thuộc Bộ được giao nhiệm vụ tăng cường công tác truyền thông, mở chuyên mục chuyển đổi số trên các ấn phẩm thông tin, kịp thời nêu gương các tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo, đạt kết quả thiết thực trong thực hiện chuyển đổi số của ngành, hướng tới phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Nguồn: baoxaydung.com.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.**

Dự thảo quy định rõ về nội dung chi và mức chi đối với dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

Đối với phát triển giáo dục nghề nghiệp: Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện đào tạo; sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phụ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo.

Cụ thể, đối với sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình: Mức hỗ trợ tối đa bằng 30% vốn sự nghiệp thực hiện dự án theo quy định của cấp có thẩm quyền và không quá 07 tỷ đồng/trường, cơ sở. Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

Bên cạnh đó, hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp. Đối với đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng: Điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo, nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC và Thông tư số 40/2019/TT-BTC.

Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Dự thảo cũng đề xuất quy định cụ thể về hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thứ nhất, đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

Thứ hai, đối với người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Được hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bổ túc kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg; hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ theo chi phí thực tế, tối đa bằng 70% và hỗ trợ các chi phí khác theo mức hỗ trợ đối với đối tượng thứ nhất.

Thứ ba, đối với người lao động khác đang sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài: Được hỗ trợ tiền đào tạo nghề, bổ túc kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg; hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ theo chi phí thực tế, tối đa bằng 50% theo mức hỗ trợ đối với đối tượng thứ nhất.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định, thay thế Thông tư 35/2017/TT-BTC.**

Theo đó, dự thảo đề xuất bỏ đối tượng thu phí đối với trường hợp lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

Như vậy, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng là: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định theo quy định.

Về quản lý và sử dụng phí, dự thảo nêu rõ: Tổ chức thu phí phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc diện khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ thì được trích để lại 80% (thay cho mức 90% hiện hành) tổng số tiền phí thẩm định thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 20% (thay mức 10% hiện hành) vào ngân sách nhà nước.

*** Bộ Tài chính đang dự thảo Thông tư quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.**

Theo đó, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương hỗ

trợ địa phương tối đa bằng 40 triệu đồng/hộ gia đình đối với xây mới nhà ở và 20 triệu đồng/hộ gia đình đối với sửa chữa nhà ở.

Đây là đề xuất tại dự thảo Thông tư quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

Dự thảo quy định rõ về Dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.

Theo đó, căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo từ nguồn ngân sách nhà nước. Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương tối đa bằng 40.000.000 đồng/hộ gia đình đối với xây mới nhà ở và 20.000.000 đồng/hộ gia đình đối với sửa chữa nhà ở.

Điều kiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Về cơ chế thanh toán, đối với trường hợp người dân tự thực hiện: Căn cứ danh sách các hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở và mức hỗ trợ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ lần đầu 70% vốn hỗ trợ đối với hộ gia đình thực hiện xây dựng mới sau khi hoàn thành phần móng và đối với hộ gia đình thực hiện sửa chữa nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc; giải ngân tiếp phần còn lại sau khi các hộ hoàn thành công trình.

Đối với trường hợp do cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư: Việc thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Bên cạnh hỗ trợ nhà ở, dự thảo cũng đề xuất hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Cụ thể, chỉ tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với trẻ suy dinh dưỡng. Nội dung và mức chi bao gồm: Chi phí xét nghiệm, kiểm nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm (phân, nước bọt...), và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định; Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ y tế khác tại các cơ sở y tế công lập do cấp có thẩm quyền quy định tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Chi theo dõi tăng trưởng, tình trạng dinh dưỡng theo cân nặng, chiều cao, vòng cánh tay của trẻ em (định kỳ 1 năm 2 lần (tháng 6, tháng 12) đối với trẻ em dưới 5 tuổi; định kỳ 1 năm 1 lần đối với trẻ em từ 5 đến 16 tuổi): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC, tối đa không quá 5.000.000 đồng/đợt/xã.

Chi mua, tiếp nhận, vận chuyển, tiêu hủy cấp miễn phí vitamin A, kẽm, sắt, đa vi chất, thuốc tẩy giun, bột/cháo dinh dưỡng thuộc địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Việc mua sắm theo

hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định sửa đổi Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng.**

Ngày 28/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

Theo đó, về thuế giá trị gia tăng, giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%) trừ một số hàng hóa, dịch vụ.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, Bộ Tài chính nhận được một số phản ánh của các Cục Thuế, doanh nghiệp và một số cơ quan báo chí phản ánh vướng mắc về quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP về việc lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng.

Theo đó, việc quy định phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng thì mới được áp dụng thuế suất 8% theo phản ánh của doanh nghiệp là làm tăng chi phí của doanh nghiệp (tăng chi phí thời gian của kế toán và chi phí sử dụng hóa đơn) vì đối với cùng một khách hàng, thay vì lập 01 hóa đơn ghi nhiều thuế suất khác nhau (5%, 8%, 10%) thì doanh nghiệp phải lập 02 hóa đơn: 01 hóa đơn ghi thuế suất 8% và 01 hóa đơn ghi các thuế suất khác (5%, 10%).

Tại TP. Hồ Chí Minh, hệ thống siêu thị Coopmart phản ánh trong một ngày hệ thống sử dụng trên 10.000 hóa đơn điện tử, phần mềm hóa đơn điện tử cho phép tách riêng nhiều thuế suất trên 01 hóa đơn, các siêu thị đã xuất hóa đơn điện tử ghi nhiều mức thuế suất khác nhau nay phải tách riêng thì rất tốn kém chi phí của doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh theo hình thức siêu thị, trung tâm thương mại, các đại lý vận tải biển có phát sinh các khoản thu hộ cước vận tải... cũng gặp những khó khăn tương tự.

Trước các vướng mắc này, cuối tháng 02/2022, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái cũng đã giao Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền khẩn trương xem xét các kiến nghị, phản ánh vướng mắc của Hiệp hội, doanh nghiệp, người dẫn nêu trên để có hướng dẫn, giải thích kịp thời.

Để tháo gỡ các vướng mắc trong việc lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, đảm bảo phù hợp với các nội dung trên hóa đơn, dự thảo Nghị định sửa đổi Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP như sau:

"Trường hợp cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn phải ghi rõ thuế suất hoặc mức tỷ lệ % tính thuế giá trị gia tăng được giảm của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 3 Điều này."

Để nhanh chóng giải quyết vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP theo thủ tục, trình tự rút gọn.

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên, đạo diễn truyền hình, âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.**

Đối với chức danh Biên tập viên hạng I, Phóng viên hạng I, dự thảo bổ sung quy định "Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lên biên tập viên hạng I, phóng viên hạng I" như sau:

Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm (đủ 72 tháng). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II hoặc tương đương đã chủ trì biên tập ít nhất 04 tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ hoặc tương đương trở lên; hoặc chủ trì ít nhất 02 đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên mà đơn vị sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

Đối với chức danh Biên tập viên hạng II, Phóng viên hạng II, dự thảo bổ sung "Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lên biên tập viên hạng II, phóng viên hạng II" như sau:

Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III, phóng viên hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III, phóng viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III, phóng viên hạng III hoặc tương đương đã chủ trì biên tập ít nhất 02 tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 02 đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành từ cấp cơ sở trở lên mà đơn vị sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

Đối với Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, dự thảo đề xuất: Biên tập viên hạng I và II đều có yêu cầu chung là: Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên tập viên hoặc có chứng chỉ hành nghề biên tập viên (đối với biên tập viên lĩnh vực xuất bản). Theo quy định hiện nay thì cần có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh biên tập viên hạng I và hạng II riêng biệt.

Tương tự, đối với phóng viên, dự thảo đề xuất: Phóng viên hạng I và II đều có yêu cầu chung là: Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành phóng viên.

Theo quy định hiện nay thì cần có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh phóng viên hạng I và hạng II riêng biệt.

*** Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự.**

Dự thảo Thông tư đề xuất quy định khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, bao gồm: Kiểm tra sức khỏe, sơ tuyển sức khỏe, khám sức khỏe, giám định sức khỏe, quản lý sức khỏe và phân loại sức khỏe đối với công dân Việt Nam trong độ tuổi được gọi làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ, quân nhân dự bị và công dân đăng ký dự thi tuyển, xét tuyển vào các trường quân đội.

Quy trình khám sức khỏe được dự thảo đề xuất như sau: 1. Lập danh sách các đối tượng là công dân thuộc diện được gọi nhập ngũ đã qua sơ tuyển sức khỏe trên địa bàn được giao quản lý; 2. Thông báo thời gian, địa điểm tổ chức khám sức khỏe; 3. Tổ chức khám sức khỏe theo các nội dung quy định; 4. Tổ chức tư vấn và xét nghiệm HIV theo quy định của Luật Phòng, chống HIV/AIDS đối với các trường hợp đạt tiêu chuẩn sức khỏe gọi nhập ngũ hằng năm theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; 5. Hoàn chỉnh phiếu sức khỏe theo quy định; 6. Tổng hợp, báo cáo kết quả khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

Thời gian khám sức khỏe: từ ngày 01/11 đến hết ngày 31/12 hằng năm.

Nội dung khám sức khỏe gồm: Khám về thể lực; khám lâm sàng các chuyên khoa theo các chỉ tiêu quy định; trong quá trình khám, trường hợp công dân được khám có một trong các chuyên khoa xếp điểm 5 hoặc điểm 6 thì người khám chuyên khoa đó có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng khám sức khỏe xem xét, quyết định việc có tiếp tục khám các chuyên khoa khác.

Khám cận lâm sàng gồm: Công thức máu; nhóm máu; chức năng gan (AST, ALT); chức năng thận (ure, creatinin); đường máu; viêm gan virus B (HBsAg), viêm gan virus C (anti-HCV); nước tiểu toàn bộ (10 thông số); siêu âm ổ bụng tổng quát; điện tim; X-quang tim phổi thẳng; xét nghiệm HIV, ma túy (test ma túy tổng hợp).

Ngoài ra, theo yêu cầu chuyên môn, có thể làm thêm các xét nghiệm cần thiết khác để giúp cho việc kết luận sức khỏe được chính xác.

Theo dự thảo, có 8 chỉ tiêu khám lâm sàng gồm: Thể lực, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, nội khoa, tâm thần kinh, ngoại khoa và da liễu.

Mỗi chỉ tiêu, sau khi khám bác sỹ cho điểm chẵn từ 1 - 6 vào cột "điểm", cụ thể: Điểm 1: Chỉ tình trạng sức khỏe rất tốt; điểm 2: Chỉ tình trạng sức khỏe tốt; điểm 3: Chỉ tình trạng sức khỏe khá; điểm 4: Chỉ tình trạng sức khỏe trung bình; điểm 5: Chỉ tình trạng sức khỏe kém; điểm 6: Chỉ tình trạng sức khỏe rất kém.

Căn cứ vào số điểm chấm cho 8 chỉ tiêu ghi trong phiếu sức khỏe nghĩa vụ quân sự để phân loại, cụ thể như sau: Loại 1: 8 chỉ tiêu đều đạt điểm 1; Loại 2: Có ít nhất 1 chỉ tiêu bị điểm 2; Loại 3: Có ít nhất 1 chỉ tiêu bị điểm 3; Loại 4: Có ít nhất 1 chỉ tiêu bị điểm 4; Loại 5: Có ít nhất 1 chỉ tiêu bị điểm 5; Loại 6: Có ít nhất 1 chỉ tiêu bị điểm 6.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÀ NỘI: THỜI HẠN GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ KHÔNG QUÁ HAI NHIỆM KỲ LIÊN TIẾP

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa ban hành Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

Quy định gồm 6 Chương, 25 Điều, trong đó nêu rõ các nội dung về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; điều động, biệt phái; từ chức, miễn nhiệm... các chức danh cán bộ quản lý doanh nghiệp, người quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thành phố gồm: Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên các tổng công ty trực thuộc thành phố; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn trực thuộc thành phố; người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Các chức danh: Chi cục trưởng và tương đương, phó chi cục trưởng và tương đương; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm là 5 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực, trừ trường hợp thời hạn dưới 5 năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Thời gian được giao nhiệm vụ quyền hoặc phụ trách tại một cơ quan, đơn vị thì không tính vào thời hạn bổ nhiệm chức vụ cấp trưởng của cơ quan, đơn vị đó.

Đối với trường hợp thay đổi tên gọi của chức vụ do thay đổi tên gọi cơ quan, đơn vị (mà không thay đổi về chức năng, nhiệm vụ) thì thời hạn bổ nhiệm lại được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm chức vụ cũ có hiệu lực.

Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cùng một đơn vị không được quá hai nhiệm kỳ liên tiếp được thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật chuyên ngành.

Đáng chú ý, về việc điều động, biệt phái cán bộ quản lý phải căn cứ vào yêu cầu công tác, nhiệm vụ chính trị, quy hoạch cán bộ nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo sự đồng bộ trong đội ngũ cán bộ quản lý; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đồng thời bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ quản lý...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2022; thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

*** Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính nhà nước**

Ngày 05/4/2022, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước của TP. Hà Nội năm 2022.

Kế hoạch được ban hành nhằm bảo đảm việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính nhà nước theo đúng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; kịp thời đề xuất khắc phục những tồn tại, hạn chế và kiến nghị các biện pháp xử lý cụ thể.

Đối tượng kiểm tra bao gồm các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.; kiểm tra theo hình thức trực tiếp tại trụ sở của các cơ quan, đơn vị hoặc kiểm tra qua hồ sơ, báo cáo với các nội dung kiểm tra gồm: Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia...

Bên cạnh đó, TP. Hà Nội cũng kiểm tra việc tuân thủ theo các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước... Thời gian kiểm tra từ tháng 5/2022 đến tháng 11/2022.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ KINH TẾ SỐ CHIẾM 25% GRDP VÀO NĂM 2025

Sáng ngày 15/4, Diễn đàn kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2022 với chủ đề 'Kinh tế số: động lực tăng trưởng và phát triển TP. Hồ Chí Minh trong tương lai' đã khai mạc, thu hút hơn 1.000 diễn giả, chuyên gia, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia trực tiếp và trực tuyến. Diễn đàn năm nay xoay quanh 4 chủ đề:

Triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số

Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Nên cho biết Diễn đàn kinh tế năm 2022 có ý nghĩa quan trọng đối với thành phố, nhất là trong bối cảnh thành phố vừa vượt qua biến cố chưa từng có trong lịch sử bởi đại dịch COVID-19.

Theo Bí thư Nguyễn Văn Nên, giai đoạn hiện nay thế giới có 2 nền kinh tế: nền kinh tế kỹ thuật số và nền kinh tế truyền thống. Nền kinh tế kỹ thuật số ngày càng trở nên mạnh mẽ, đến mức lấn áp nền kinh tế truyền thống.

TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu nền kinh tế số đến năm 2025 sẽ chiếm 25% và đến năm 2030 chiếm 40% GRDP TP. Hồ Chí Minh.

Đại dịch COVID-19 làm đứt gãy nhiều hoạt động kinh tế - xã hội. “Song, cũng chính từ trong ứng phó với dịch, môi trường chuyển đổi số có cơ hội phát triển mạnh mẽ phục vụ công tác phòng chống dịch, giảm tác động tiêu cực từ đại dịch”, ông Nên nói.

Nhấn mạnh diễn đàn kinh tế được tổ chức hôm nay có ý nghĩa quan trọng đối với TP. Hồ Chí Minh, Bí thư Thành ủy cho biết thành phố sẽ cầu thị lắng nghe tất cả ý kiến của các chuyên gia, nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm mô hình chuyển đổi số. Cùng với đó, kiến tạo cơ chế, chính sách chuyển đổi số để phát triển kinh tế số mạnh mẽ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển thành phố trước mắt và lâu dài.

“Triển khai hiệu quả chuyển đổi số, kinh tế số là một trong những cơ hội quan trọng, giúp TP. Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung đi tắt, đón đầu, phát triển nhanh chóng, đuổi kịp và tiên vượt so với các nước trong khu vực”, ông Nên nhận định.

Tại sự kiện, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái cho biết việc chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số đã được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, xác định là xu thế tất yếu của thế giới, là đòi hỏi khách quan của sự phát triển.

Về mục tiêu phát triển kinh tế số, theo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái, TP. Hồ Chí Minh đã đặt ra các mục tiêu cao hơn cả nước, đến 2025, kinh tế số đóng góp 25% và đến 2030 đóng góp 40%, tương ứng cả nước là 20% và 30%.

Kinh tế số còn giúp tăng năng suất lao động, tạo ra các cơ hội kinh doanh mới cho doanh nghiệp, góp phần quan trọng tái cấu trúc nền kinh tế và trước mắt giúp phục hồi nhanh về tăng trưởng kinh tế. “Thành công về chuyển đổi số và kinh tế số tại TP. Hồ Chí Minh sẽ góp phần quan trọng thành công trên cả nước; đồng thời khẳng định vai trò, vị thế đầu tàu của

thành phố và là trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của khu vực”, Phó Thủ tướng Chính phủ nói.

Để chuyển đổi số thành công, ông Khải đề nghị TP. Hồ Chí Minh cần thực hiện những công việc cụ thể gồm tiếp tục đẩy mạnh môi trường đầu tư; tăng cường hợp tác trao đổi, học hỏi hợp tác với các đối tác, bạn bè quốc tế và vận dụng linh hoạt; triển khai nhanh chóng các chiến lược quốc gia về kinh tế số, chuyển đổi số; nâng cao nhận thức trình độ, kỹ năng nhân lực thông qua chuyển đổi số và kinh tế số và cuối cùng là chú trọng bảo đảm an toàn an ninh mạng...

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Nguyễn Xuân Thắng, cũng khẳng định tiềm năng và lợi thế của TP. Hồ Chí Minh trong phát triển nền kinh tế số. Ông Thắng chỉ ra những yếu tố cần thiết của quá trình chuyển đổi số bền vững.

Trong đó, cần có sự đột phá về mặt thể chế, trọng tâm là về mặt pháp luật, tháo gỡ những khó khăn để huy động tối đa các nguồn lực. Thứ hai là xây dựng thể chế theo đổi mới sáng tạo, mà cụ thể hơn là khuyến khích bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo.

Về nguồn lực con người, trong đột phá không chỉ chú trọng nguồn lực chất lượng cao mà còn chú trọng nguồn lực từ nhà quản trị, kinh doanh có tư duy đột phá, thích ứng với đổi mới và có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế.

Ngoài ra, chú trọng phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, giáo dục, đào tạo, trong đó gồm hạ tầng về công nghệ thông tin, hạ tầng số để hỗ trợ quá trình chuyển đổi số nhanh chóng. Bên cạnh công ty đổi mới sáng tạo, hệ thống tài chính số, công nghệ tài chính cũng phải đi theo.

“Sau đại dịch đã bộc lộ xu hướng nổi bật là nền kinh tế không tiếp xúc, không chạm. Ngay cả những ngành nghề truyền thống muốn tồn tại cũng phải dựa trên nền tảng kinh tế số. Do đó, sự bắt đầu rất sớm này, TP. Hồ Chí Minh tiếp tục là đầu tàu vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thời gian tới. Diễn đàn TP. Hồ Chí Minh mang tính chất hành động rất cao để hiện thực hóa mục tiêu đó”, ông Thắng nói.

Lắng nghe góp ý của chuyên gia

Diễn đàn kinh tế TP. Hồ Chí Minh là sự kiện thường niên, cơ hội để lãnh đạo TP. Hồ Chí Minh trao đổi, thảo luận với các chuyên gia, các nhà khoa học, các tổ chức, các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tổng hợp các nhiệm vụ cụ thể giúp thành phố phát triển kinh tế bền vững.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi cho biết năm nay với chủ đề kinh tế số, TP. Hồ Chí Minh kỳ vọng thông qua diễn đàn sẽ xác định được tầm nhìn và đưa ra thông điệp của thành phố về định hướng xây dựng, phát triển TP. Hồ Chí Minh thành đô thị thông minh.

Theo ông Mãi, trong bối cảnh khó khăn do COVID-19 và nhiều thay đổi, công nghệ số đã trở thành một công cụ quan trọng trong công tác phòng chống dịch, duy trì chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất kinh doanh và đây là thực tiễn minh chứng cho tính hiệu quả của chuyển đổi số.

Dó đó, khi xây dựng “Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025”, thành phố đã đề ra mục tiêu và quyết sách thúc đẩy quá trình phục hồi tăng trưởng gắn tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng cạnh tranh, tăng tỷ trọng các sản phẩm hàng hóa- dịch vụ có hàm lượng giá trị gia tăng cao, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; biến thách thức thành cơ hội để phát triển nhanh nền kinh tế số.

TP. Hồ Chí Minh sẽ hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội đô thị; tạo sự đột phá trong việc xây dựng nền hành chính kiến tạo phát triển; giữ vững và phát huy vai trò là động lực tăng trưởng kinh tế của khu vực phía Nam và cả nước.

Trong kế hoạch phát triển TP. Hồ Chí Minh đến năm 2025, tầm nhìn 2030, mục tiêu tổng quát về chuyển đổi số của TP. Hồ Chí Minh là phát triển chính quyền số, kinh tế số, chuyển đổi số trong các ngành với tinh thần là đầu tàu kinh tế của cả nước, đi đầu trong thực hiện mô hình tăng trưởng mới.

TP. Hồ Chí Minh đặt tầm nhìn đến năm 2030 trở thành đô thị thông minh với sự đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động của bộ máy chính quyền số, của các doanh nghiệp số và sự thịnh vượng, văn minh của một xã hội số.

Theo chương trình phục hồi và phát triển kinh tế và xã hội TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, đến hết năm 2022, TP. Hồ Chí Minh sẽ khắc phục các hệ lụy, khôi phục những đứt gãy chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng trên cơ sở thích ứng an toàn, kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh COVID-19.

Từ năm 2023 đến 2025, TP. Hồ Chí Minh tiếp tục kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh; giải quyết các điểm nghẽn đối với sự phát triển nhanh và bền vững của TP. Hồ Chí Minh, tập trung mọi nguồn lực để phát huy các thế mạnh của thành phố.

Người đứng đầu chính quyền TP. Hồ Chí Minh cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp, xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch nâng cao các chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh với các giải pháp thiết thực, đi thẳng vào các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, quyết tâm khắc phục.

“Ưu tiên chuyển đổi số một số lĩnh vực người dân và doanh nghiệp có nhu cầu giao dịch lớn để tập trung đầu tư, tạo thay đổi căn bản, như lĩnh vực đất đai, xây dựng, hộ tịch, đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư...”, ông Mãi nói.

Bức tranh chung về chuyển đổi số trong doanh nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh, tầm nhìn và khát vọng đến năm 2030

Thiết kế chính sách phù hợp cho phát triển kinh tế số tại TP. Hồ Chí Minh: định hướng 2025 và tầm nhìn 2030

Chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp: thách thức và giải pháp

Chuyển đổi số trong doanh nghiệp: kinh nghiệm và bài học thành công của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Theo báo cáo “e-Conomy SEA 2021” do Tập đoàn Google, Bain (Mỹ) và Temasek (Singapore) phối hợp công bố, nền kinh tế internet của Việt Nam năm 2021 đạt giá trị 21 tỉ đô la

Mỹ, đóng góp hơn 5% GDP của đất nước, cao gấp 7 lần năm 2015, và dự kiến đạt 57 tỉ đô la năm 2025, đứng thứ hai trong khu vực Đông Nam Á (tốc độ tăng trưởng khoảng 29% một năm).

Theo báo cáo “Tiềm năng kinh tế số Việt Nam” do hãng tư vấn Alpha Beta phát hành tại hội thảo “Tiềm năng kinh tế số Việt Nam” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Google tổ chức tháng 10/2021, nếu được tận dụng tối đa, công nghệ số có thể đem lại hơn 74 tỷ đô la Mỹ cho Việt Nam vào năm 2030, tương đương 27% GDP của Việt Nam năm 2020.

Nguồn: thesaigontimes.vn

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG: LÊN KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CHỈ SỐ XẾP HẠNG MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng đặt mục tiêu nâng hạng chỉ số về mức độ chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI), đưa TP. Hải Phòng đứng trong top 10 vào cuối năm 2022 và có tên trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước vào năm 2025.

Kế hoạch cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số TP. Hải Phòng năm 2022 đã được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Kế hoạch nhằm xây dựng, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số của Hải Phòng năm 2022.

Theo kết quả đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số cấp bộ, tỉnh - DTI 2020 được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố hồi tháng 10/2021, TP. Hải Phòng đứng thứ 21 về chuyển đổi số, với thứ hạng ở 3 trụ cột Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số lần lượt là 33, 20 và 14.

Với kế hoạch mới ban hành, TP. Hải Phòng phấn đấu có tên trong Top 10 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số năm 2022 và đến năm 2025 đứng trong Top 5 toàn quốc.

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng đã vạch rõ các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm để cải thiện, nâng cao mức độ chuyển đổi số của địa phương trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Trong đó, về chính quyền số, để chuyển đổi nhận thức, TP. Hải Phòng sẽ tổ chức phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số toàn thành phố, có áp dụng hình thức khen thưởng cụ thể cho tập thể, cá nhân điển hình. Đồng thời, tổ chức sự kiện ngày chuyển đổi số thành phố, dự kiến lấy ngày 26/10 là ngày chuyển đổi số hàng năm của TP. Hải Phòng.

Bổ sung, nâng cấp mạng thông tin nội bộ, trang bị máy tính, thiết bị tin học phục vụ công việc cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã; chuyển đổi sử dụng IPv6 đối với các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước; triển khai vận hành thử nghiệm Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh, cung cấp dịch vụ số phục vụ người dân...

Cùng với đó, hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của thành phố để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, liên thông giữa các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tiếp tục được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Đồng thời, thực hiện các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm đạt được mục tiêu 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

Về kinh tế số, thành phố sẽ rà soát, xây dựng ban hành văn bản chỉ đạo, định hướng phát triển kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; xây dựng mô hình doanh nghiệp mẫu về chuyển đổi số, nhân rộng mô hình hiệu quả, cách làm hay.

Xây dựng, ban hành chương trình, đề án, cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số, phát triển 4 loại hình doanh nghiệp công nghệ số, phát triển mô hình kinh doanh theo hình thức kinh tế chia sẻ tại địa phương; quan tâm bố trí ngân sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế số; Triển khai thử nghiệm 5G tại 1 số khu vực hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao, cảng biển, trung tâm logistics; Số hóa các hạng mục dữ liệu thuộc miền dữ liệu kinh tế số đưa vào cơ sở dữ liệu để chia sẻ, khai thác, sử dụng; đẩy mạnh xây dựng dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp...

Với trụ cột xã hội số, hàng loạt nhiệm vụ, giải pháp cũng sẽ được TP. Hải Phòng tập trung triển khai trong thời gian sắp tới như: Rà soát, ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án về phát triển xã hội số, hỗ trợ chuyển đổi số cho người dân; hỗ trợ người khuyết tật, người yếu thế tiếp cận xã hội số, cộng đồng số; phát triển hạ tầng, nền tảng cho xã hội số.

Song song đó, phát triển hạ tầng viễn thông, Internet, xóa các vùng lùm sóng, phổ cập thuê bao băng rộng cáp quang đến các hộ gia đình trên địa bàn thành phố, phấn đấu năm 2022 tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao băng rộng cáp quang đạt 80%; triển khai gắn mã Vpostcode đến địa chỉ hộ gia đình trên toàn thành phố; cung cấp, mở rộng các dịch vụ số; triển khai giải pháp ký số nộp hồ sơ trực tuyến giải quyết thủ tục hành chính; phát triển các dịch vụ số, thúc đẩy người dân sử dụng thiết bị số và truy cập mạng; triển khai các giải pháp khám chữa bệnh từ xa, số sức khỏe điện tử, tuyên truyền, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng y tế, kiểm soát bệnh tật...

Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng cũng nêu rõ các yêu cầu trong triển khai kế hoạch cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số thành phố năm 2022, đó là duy trì các nhóm tiêu chí đã đạt điểm số cao; phân công rõ việc, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân và nghiêm túc thực hiện triệt để các nhiệm vụ đề ra để đảm bảo cải thiện, nâng cao các nhóm tiêu chí đạt điểm thấp, chưa đạt điểm.

Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn

THÀNH PHỐ CẦN THƠ: TẬP TRUNG ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai chuyển đổi số trên địa bàn, đầu tháng 4 vừa qua, Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ đã ban hành công văn chỉ đạo các sở ngành, địa phương khẩn trương ban hành kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2022.

Sớm hoàn thành kế hoạch triển khai Chuyển đổi số

Vừa qua, Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ đã ban hành Công văn số 1170/UBND-KGVX về việc đẩy nhanh tiến độ triển khai chuyển đổi số trên địa bàn thành phố. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ đã giao Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các doanh nghiệp công nghệ số khẩn trương xây dựng Kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2022 nhằm đảm bảo các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 7/3/2022, đồng bộ với chiến lược, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực và hướng dẫn chuyên môn của Bộ, ngành chủ quản. Thời hạn hoàn thành trước ngày 15/4/2022.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ cũng yêu cầu các Sở ngành lập dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao và hoàn thành là trong tháng 5/2022. Các Sở ngành cần nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị. Trong đó, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị làm trưởng ban và phải hoàn thành trong tháng 4/2022.

Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ cũng yêu cầu các Sở ngành phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành quản lý tham gia chuyển đổi số.

Đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để triển khai kế hoạch chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực quản lý, đặc biệt là trong lĩnh vực: môi trường, y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, thương mại điện tử, du lịch, thanh toán điện tử không dùng tiền mặt... và khẩn trương triển khai các nền tảng số dùng chung.

Mặt khác, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực quản lý gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số thành phố. Thời hạn hoàn thành trước ngày 15 tháng 6, 9, 12 năm 2022 và theo yêu cầu phát sinh.

Chuyển đổi số bắt đầu từ người dân

Theo Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ, mục tiêu Chuyển đổi số phải bắt đầu từ người dân, lấy người dân làm trung tâm. Tăng cường tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền; hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ tiện ích, thuận lợi nhất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an toàn, an ninh trật tự và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Cũng theo Công văn số 1170/UBND-KGVX, Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện khẩn trương ban hành kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn. Tùy theo nhu cầu thực tế của từng địa phương mà cụ thể hóa các chỉ tiêu theo Kế hoạch số 49/KH-UBND nêu trên đảm bảo phù hợp, hiệu quả. Thời hạn hoàn thành hoàn hành Kế hoạch trong tháng 4/2022.

Cùng đó, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022 - 2023 và theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện thường xuyên; bố trí kinh phí và các nguồn lực

cần thiết cho việc triển khai thí điểm chuyển đổi số cấp xã trong năm 2022 để nhân rộng các năm tiếp theo. Thời hạn hoàn thành ban hành Kế hoạch trong tháng 5/2022.

Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng. Trong đó, mỗi ấp, khu vực thành lập ít nhất 01 Tổ Công nghệ số cộng đồng; thành phần mỗi Tổ có Trưởng ấp/khu vực và ít nhất 2 nhân sự (khuyến khích lực lượng cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia) có lòng nhiệt tình hoạt động cộng đồng, kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số và khả năng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số. Thời hạn hoàn thành trong tháng 4/2022.

Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ Công nghệ số cộng đồng, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia chuyển đổi số.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ cũng giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận huyện xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá chuyển đổi số thành phố. Thời hạn hoàn thành trong Quý II/2022. Đồng thời, hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong quá trình triển khai kế hoạch chuyển đổi số; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

Đối với Thành đoàn Cần Thơ và các Đoàn thể thành phố cần tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân tham gia thực hiện chuyển đổi số. Theo đó, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số tiện ích, thanh toán không dùng tiền mặt, các kênh giao tiếp đã triển khai, số hóa địa chỉ nhà dân, các cơ quan, đơn vị hình thành cơ sở dữ liệu về bản đồ số Vpostcode; Hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, hợp tác xã quảng bá hình ảnh, thông tin về sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng, trên các sàn thương mại điện tử.

Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tư vấn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai kế hoạch chuyển đổi số, đưa các giải pháp công nghệ số vào cuộc sống, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tăng cường công tác nghiên cứu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số thành phố.

Nguồn: kinhtemoitruong.vn

SƠN LA: KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thời gian qua, Kho bạc Nhà nước Sơn La chú trọng đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính hướng đến sự hài lòng của khách hàng và đạt được những kết quả tích cực.

Trong Quý I/2022, Kho bạc Nhà nước Sơn La đẩy mạnh thực hiện đề án thống nhất đầu mối kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước góp phần thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đến giao dịch tại Kho bạc Nhà nước theo cơ chế "một cửa,

một giao dịch viên" theo đúng quy trình quy định tại Quyết định số 3519/QĐ-KBNN ngày 30/6/2020 và Quyết định số 2899/QĐ-KBNN ngày 15/6/2018 của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước. Nhờ đó, các giao dịch của Kho bạc Nhà nước Sơn La diễn ra ổn định, thông suốt, được khách hàng đánh giá cao.

Đồng thời, đơn vị cũng thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc nghiêm yết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 và Quyết định số 230/QĐ-BTC ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Đơn vị tiếp tục chấn chỉnh và làm việc với các đơn vị Kho bạc Nhà nước huyện, phòng nghiệp vụ và cán bộ, công chức thực hiện nghiêm việc giải quyết thủ tục hành chính, xử lý nghiêm cán bộ, công chức vi phạm sau kết quả đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với Kho bạc Nhà nước năm 2021.

Đại diện Kho bạc Nhà nước Sơn La cho biết, những chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính đã góp phần quan trọng vào kết quả thu ngân sách nhà nước của đơn vị. Tính đến 28/3/2022, Kho bạc Nhà nước Sơn La thực hiện thu ngân sách nhà nước đạt 3.380/15.237 tỷ đồng, bằng 24% dự toán năm.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

THANH HÓA: HUYỆN HOÀNG HÓA HƯỚNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Với mục tiêu 'Lấy người dân làm trung tâm phục vụ, sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước', những năm gần đây, huyện Hoàng Hóa luôn thực hiện đồng bộ cả 6 nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước và đạt được nhiều kết quả nổi bật.

Cải cách hành chính là nhiệm vụ quan trọng, xác định rõ điều này, hằng năm Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Hóa đều ban hành Kế hoạch cải cách hành chính và nhiều văn bản khác chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Giai đoạn 2018 - 2021, huyện đã ban hành 190 văn bản yêu cầu các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Hóa, các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện. Cùng với đó, công tác sơ kết, tổng kết hằng năm cũng được huyện thực hiện nghiêm túc nhằm đánh giá những kết quả đạt được và chỉ ra những tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục. Hướng đến sự hài lòng của người dân, 4 năm qua, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã đề ra những mô hình, sáng kiến, cách làm hay trong cải cách hành chính, được cán bộ, công chức đánh giá cao và được tổ chức, công dân phản hồi tốt như “ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cải cách hành chính cấp huyện”, “xây dựng đội ngũ cán

bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện Hoàng Hóa giai đoạn 2020 - 2025”, “một số giải pháp đẩy nhanh tiến độ tăng thu ngân sách trên địa bàn huyện”...

Để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, hằng năm huyện Hoàng Hóa đều tiến hành rà soát để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp với thực tế. Đồng thời, rà soát cắt giảm thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; thông báo công khai việc rút ngắn thời gian giải quyết tại bộ phận “một cửa” để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện. Năm 2020, huyện đã rà soát cắt giảm thời gian giải quyết đối với 89 thủ tục hành chính ở 13 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cắt giảm thời gian giải quyết đối với 12 thủ tục hành chính cấp xã. Năm 2021, đã cắt giảm thời gian giải quyết đối với 81 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và 12 thủ tục hành chính đối với cấp xã. Tất cả các thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định và công khai theo 2 hình thức trên bảng treo tường và trên Cổng thông tin điện tử của huyện, trên trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn. Hiện nay, 37 xã, thị trấn đều thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, tạo sự chuyên biến tích cực trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch và thuận tiện. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính cũng được thực hiện nghiêm túc qua hệ thống phanhoi.thanhhoa.gov.vn và công khai thông tin phản hồi trên Cổng thông tin điện tử của huyện, trên trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn. Từ năm 2018 - 2021, Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Hóa đã tiếp nhận 46 lượt phản ánh, kiến nghị và đã xử lý đúng quy định, không để xảy ra tình trạng quá hạn hoặc kéo dài gây bức xúc trong Nhân dân.

Việc xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được huyện quan tâm đầu tư. Ngoài ban hành Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, hằng năm huyện đều ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước để triển khai thực hiện. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của cơ quan Nhà nước từ huyện đến xã, thị trấn đã được đầu tư xây dựng đồng bộ; hạ tầng mạng LAN, WAN và internet được đầu tư đầy đủ với 15/15 phòng, ban, đơn vị có kết nối mạng LAN, WAN; 37 xã, thị trấn có kết nối internet băng thông rộng, đáp ứng nhu cầu trao đổi dữ liệu, kết nối với các đơn vị và phục vụ kịp thời người dân và doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính. Việc kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã cũng đã được thực hiện, vì vậy 100% văn bản (trừ văn bản mật) được trao đổi trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử sử dụng chữ ký số đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ 100%. Hệ thống giao ban trực tuyến được đầu tư hoàn thành tại 37 điểm cầu vệ tinh của 37 xã, thị trấn, đáp ứng yêu cầu phục vụ các cuộc họp từ tỉnh đến các xã, thị trấn. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được triển khai thực hiện theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 3 đối với cấp huyện đạt 100%, cấp xã đạt 97%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 4 cấp huyện đạt

100%, cấp xã đạt 98%. Hiện nay, 100% các đơn vị đã triển khai và duy trì đồng bộ hệ thống “một cửa” điện tử dùng chung 3 cấp kết nối hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thống nhất trong toàn tỉnh.

Những chuyển biến rõ nét trong công tác cải cách hành chính ở Hoàng Hóa đã góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phục vụ tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy, Hoàng Hóa tiếp tục đề ra các giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, hướng đến sự hài lòng của người dân.

Nguồn: baothanhhoa.vn

QUẢNG BÌNH: KINH TẾ SỐ SẼ GÓP 20% VÀO GRDP CỦA TỈNH

Mục tiêu trong Nghị quyết về chuyển đổi số của Tỉnh ủy Quảng Bình là kinh tế số chiếm 20% GRDP (tổng sản phẩm trên địa bàn - PV) của tỉnh vào năm 2025.

Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình về chuyển đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Bí thư tỉnh ủy Vũ Đại Thắng ký ban hành.

Nghị quyết hướng tới mục tiêu xây dựng, hoàn thiện chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính, công vụ, đồng hành, đồng bộ với xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế số, xã hội số, doanh nghiệp số, công dân số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Phát triển kinh tế số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và năng suất lao động, thúc đẩy hình thành các mô hình sản xuất kinh doanh mới có hiệu quả cao, góp phần tăng trưởng GRDP hàng năm.

Phát triển xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Quảng Bình cơ bản chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh theo các mục tiêu tại Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020.

Về mục tiêu cụ thể, đối với phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Bình xác định đến năm 2025, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến đạt trên 50%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với việc giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với đó, 70% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng; 100% cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ toàn tỉnh; 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý... Tỉnh Quảng Bình thuộc nhóm 30 tỉnh dẫn đầu về chính quyền điện tử, chính quyền số vào năm 2025.

Về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, các mục tiêu cụ thể của tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 gồm có: Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh; Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, mũi nhọn như tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghiệp năng lượng, thương mại, du lịch, dịch vụ... đạt trên 25%; Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 6,5%. Đến năm 2025, tỉnh Quảng Bình thuộc nhóm trung bình khá về chỉ số cạnh tranh, đổi mới sáng tạo của cả nước.

Đối với phát triển hạ tầng số, thu hẹp khoảng cách số, theo Nghị quyết, các mục tiêu hướng đến của tỉnh Quảng Bình giai đoạn đến năm 2025 là: Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 75% hộ gia đình; Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G đạt 100%, mạng di động 5G đạt 40% đến cấp xã;

60% cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa; 60% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

Cùng với đó, đến năm 2025 tối thiểu 1 đô thị trực thuộc tỉnh Quảng Bình cơ bản đạt nền tảng về đô thị thông minh. Tỉnh thuộc nhóm khá về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đề ra, Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Bình nêu rõ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cũng như một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số. Theo đó, ưu tiên chuyển đổi số trong các cơ quan, trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa - du lịch, nông nghiệp - nông thôn, giao thông vận tải và logistics, tài nguyên và môi trường, năng lượng, tài chính ngân hàng.

Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình yêu cầu cấp ủy, tổ chức Đảng các cấp tuyên truyền, triển khai có hiệu quả Nghị quyết về chuyển đổi số của tỉnh. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tiễn.

Việc tham mưu cho Tỉnh ủy/Thành ủy xây dựng Nghị quyết về chuyển đổi số đã được xác định là một nhiệm vụ quan trọng của các Sở Thông tin và Truyền thông. Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã có 48 Tỉnh/Thành ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề hoặc là lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Thành ủy.

Chia sẻ thêm về lý do cần có Nghị quyết của Tỉnh ủy, Thành ủy về chuyển đổi số, đại diện Bộ Thông tin và Truyền thông nhấn mạnh, chuyển đổi số là xu thế mới, xu thế tất yếu trên thế giới và Việt Nam - tạo ra sự thay đổi, chấp nhận cái mới và cho cái mới không gian phát triển. Do vậy, cần có sự thống nhất về mặt chủ trương từ Trung ương đến địa phương.

“Cần coi Nghị quyết của Tỉnh/Thành ủy là cơ sở, là nền móng quan trọng để triển khai chuyển đổi số tại địa bàn tỉnh, thành phố một cách an toàn, tránh các rủi ro đáng tiếc về mặt pháp lý có thể xảy ra cho lực lượng công nghệ”, đại diện Bộ Thông tin và Truyền thông nêu quan điểm.

Nguồn: ictnews.vietnamnet.vn

KHÁNH HÒA: QUÝ III, TIẾP TỤC CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà vừa ban hành báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính Quý 3/2022. Theo đó, trong quý 3, chất lượng công tác cải cách hành chính tiếp tục được cải thiện. Nhiều mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính hoàn thành sớm so với tiến độ.

Các cơ quan, địa phương trong tỉnh đã tiếp nhận hơn 163.000 hồ sơ, giải quyết hơn 155.500 hồ sơ. Tỷ lệ giải quyết sớm hạn đạt 97,76%, trễ hạn 2,24%. Có hơn 27.000 hồ sơ trực tuyến, chiếm 17,45% tổng số hồ sơ đã giải quyết. Khối các cơ quan ngành dọc tiếp nhận hơn 1,5 triệu hồ sơ, 100% giải quyết đúng và sớm hạn. Hệ thống tin nhắn tự động đã gửi hơn 42.000 tin nhắn thông báo đến khách hàng. Hệ thống bưu điện tỉnh tiếp nhận, trả kết quả gần 81.000 hồ sơ thủ tục hành chính. Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển trên môi trường mạng đạt 98% trên tổng số văn bản gửi/nhận giữa các cơ quan và trong nội bộ cơ quan.

Trong 3 tháng cuối năm, tỉnh sẽ tổ chức sơ kết 1 năm vận hành Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh; tổ chức cuộc thi Mô hình, sáng kiến cải cách hành chính của công chức, viên chức trẻ lần thứ 4; hoàn thành khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2019 và công bố kết quả; đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2019; thi tuyển công chức hành chính và thi nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên; chuẩn bị kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

VAI TRÒ CỦA NHÂN LỰC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Nguồn nhân lực là khái niệm cơ bản trong khoa học kinh tế (với các phân ngành lao động xã hội, thống kê...). Có ba cách tiếp cận khi nghiên cứu về vai trò của nguồn nhân lực hành chính. Thứ nhất, tiếp cận về mặt chính trị, xác định vai trò của nguồn lực này trong việc củng cố quyền lực của hệ thống chính trị, sự đóng góp cho hiệu quả quản trị của bộ máy hành chính nhà nước. Thứ hai, xác định việc đóng góp của nguồn lực này trong vai trò quản trị quốc gia, cho phát triển xã hội. Thứ ba, xác định vai trò của nhân lực hành chính để có các giải pháp tiếp tục hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

1. Nội hàm của khái niệm nhân lực hành chính

Thuật ngữ “nhân lực hành chính” chủ yếu được sử dụng để chỉ đội ngũ công chức trong hệ thống công vụ (có một chuyên môn đúng tiêu chuẩn, có vị trí việc làm trong tổ chức, được nhà nước trả lương và hoạt động của họ được điều chỉnh theo Luật Cán bộ, công chức hiện hành). Như vậy, trong bài viết này, thuật ngữ “nhân lực hành chính” sẽ không đề cập tới nguồn nhân lực làm việc tại các đơn vị sự nghiệp (đội ngũ viên chức) và theo đó cũng không đề cập tới đội ngũ công chức làm việc trong hệ thống cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Những kết quả trong việc xây dựng, phát triển nhân lực hành chính nhà nước thời gian qua

Về thể chế, Nhà nước đã xây dựng, hoàn thiện tương đối đồng bộ hệ thống quy định pháp luật về xây dựng, phát triển nhân lực hành chính nhà nước. Nhà nước đã ban hành Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, đây là những cơ sở pháp lý quan trọng cho việc sử dụng, tạo nguồn lực và hoàn thiện chính sách theo từng nhóm nhân lực khác nhau phù hợp với từng loại tổ chức hành chính, cụ thể như sau:

Một là, Luật Cán bộ, công chức đã quy định rõ, có tính phân biệt sự khác nhau giữa công chức và viên chức trong nguồn nhân lực hành chính. Đó là sự thay đổi tư tưởng về xây dựng thể chế theo hướng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, theo đó các định chế được xác định ở các văn bản luật thay thế các quy phạm hành chính nói chung và từng nhóm nhân lực hành chính nói riêng.

Hai là, hoạt động xây dựng đội ngũ nhân lực hành chính nhà nước được quy định ở tầm luật và các văn bản hướng dẫn thi hành định chế hành chính trong tuyển dụng, sử dụng (bổ nhiệm, luân chuyển, các chế tài khen thưởng và kỷ luật...) từng bước được hoàn thiện.

Ba là, các nguồn lực cho phát triển đội ngũ công chức ngày càng được quan tâm tăng lên theo sự phát triển của nền kinh tế, xã hội. Đó là nguồn ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng; cung cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật cho thực thi nhiệm vụ, công vụ... Việc nâng cấp điều kiện làm việc cũng được quan tâm đầu tư một cách đáng kể từ trụ sở, văn phòng làm việc, trang thiết bị hiện đại theo hướng đáp ứng hoạt động công vụ ngày càng tăng.

Về phương thức đánh giá công chức (chủ yếu về kỹ năng, hiệu quả phục vụ xã hội và cộng đồng): với sự hỗ trợ, hợp tác với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, Việt Nam hiện nay đã sử dụng nhiều tiêu chí, phương pháp đo lường chất lượng thông qua các chỉ số định lượng, thay thế nhiều tiêu chuẩn định tính trong đánh giá chất lượng công vụ và công chức. Ví dụ, các Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)... Đó là các bộ tiêu chí quan trọng, có tính khách quan trong thẩm định chất lượng và hiệu quả hoạt động quản trị quốc gia của cơ quan hành chính, trong đó nhân lực hành chính đóng vai trò trụ cột; tạo môi trường cạnh tranh về dịch vụ công nhằm thu hút đầu tư vào từng địa phương một cách công bằng, công khai, thân thiện.

3. Một số vấn đề đặt ra

Những năm gần đây, trong hoạt động của nhân lực hành chính nhà nước đã bộc lộ những vấn đề cần quan tâm:

Thứ nhất, việc học tập, nâng cao kiến thức đáp ứng yêu cầu công vụ. Thực tế hiện nay có không ít trường hợp chủ yếu học lấy bằng cấp để phục vụ lợi ích cá nhân (để hoàn thiện hồ sơ cá nhân, để đủ điều kiện điều chuyển...). Việc học tập nâng cao trình độ là cần thiết; song vấn đề đặt ra là tại sao vẫn còn tình trạng tuyển dụng những người thiếu kiến thức chuẩn để sau này phải dành thời gian công vụ cho việc học tập. Do tuyển dụng những người không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm nên đang có nghịch lý là nguồn nhân lực xã hội đủ điều kiện, kiến thức thì không được trao cơ hội, trong khi công chức lấy thời gian thi hành công vụ để đi học. Mặt khác, đang tồn tại tâm lý học càng cao, bằng cấp càng nhiều thì chất lượng công vụ càng tốt và càng có cơ hội thăng tiến, đã khiến hiện tượng chạy đua đi học, gây lãng phí tiền bạc, thời gian nhưng hiệu quả thấp (hiện tượng này không liên quan đến nhiệm vụ bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm cho công chức theo quy định).

Thứ hai, tâm lý lạm dụng công vụ cản trở chất lượng dịch vụ xã hội. Lạm dụng công vụ được hiểu là một số công chức hoạt động ở các cơ quan công quyền có thẩm quyền cấp các loại giấy phép, chứng nhận, xác nhận, nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để cấp các loại chứng chỉ cho một số hoạt động xã hội của công dân và tổ chức. Khi giữ một vị trí công vụ mà qua đó một giao dịch dân sự mới được hợp thức thì vị trí đó có quyền lực. Điều đó tạo ra một mạng lưới các giao dịch hành chính liên quan đến các nhóm người, kể cả với công chức (công chức cấp phép cho công dân, nhưng họ phải đối mặt các thủ tục khác với tư cách công dân). Một công chức thiếu chuẩn mực thường làm cho các thủ tục rườm rà hơn là cải tiến quy trình, thủ tục, phát hiện những công vụ thừa, thủ tục rườm rà, làm khó xã hội(1). Do đó, gây ra lãng phí thời gian, vật chất và tiền bạc của xã hội.

Thứ ba, đánh giá công chức chưa coi trọng kết quả đầu ra, chất lượng thực thi công vụ. Hàng năm, các cơ quan hành chính dành không ít thời gian để đánh giá chất lượng công vụ, công chức qua các hoạt động tự đánh giá (kiểm điểm), tập thể đánh giá, đơn vị đánh giá, ngành đánh giá; đánh giá tháng, quý, 6 tháng, 01 năm... Thực tế cho thấy, dù có nhiều hình thức, nhiều tổ chức tham gia, nhưng kết quả đánh giá chưa tương xứng với yêu cầu của nền

công vụ. Kết quả đánh giá chất lượng rất cao theo số liệu báo cáo, khiến cho chính cơ quan được giao tổng hợp báo cáo, hoặc đại biểu Quốc hội cũng tỏ ra chưa tin tưởng chất lượng(2). Tình trạng trên là do tính hình thức, nặng về kê khai theo mẫu. Nhiều thông tin trong mẫu thiếu giá trị; tâm lý “bị soi chiếu” thay vì “phát hiện để sửa chữa” trong tổ chức đã làm trầm trọng thêm tình trạng dĩ hòa vi quý, nể nang, né tránh, bỏ qua cho nhau. Để ngăn chặn tâm lý dễ dãi, các cơ quan tham mưu thường sử dụng biên pháp hạn chế tỷ lệ để bình xét trong hoạt động đánh giá công chức và công tác khen thưởng(3). Do đó, mục đích của việc đánh giá công chức là tìm ra ưu điểm để phát huy, phát hiện hạn chế để sửa chữa nhằm nâng cao chất lượng công vụ chưa đạt được.

Thứ tư, lãng phí công sản. Đó là hiện tượng sử dụng tài sản công hoặc là vượt quá tiêu chuẩn, không đúng hạng mục; hoặc là sử dụng sai mục đích, thiếu trách nhiệm trong sử dụng và bảo quản gây tổn thất vật chất vượt quá quy định. Các trang thiết bị, từ bất động sản đến các phương tiện, công cụ hỗ trợ trang bị cho cơ quan công quyền thuộc yếu tố cấu thành nền công vụ, do đó lãng phí công sản cũng tương tự như lãng phí thời gian công vụ, lãng phí lao động (nhân lực). Mặc dù đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhưng đánh giá về kết quả thực hành tiết kiệm, hiệu quả chi tiêu, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công vẫn chưa đạt hiệu quả, yêu cầu đặt ra. Vì vậy, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định pháp luật trên lĩnh vực này để khắc phục những kẽ hở như: trách nhiệm của người đứng đầu khi cơ quan gây lãng phí; quy định hợp lý định mức, trang thiết bị tương ứng với vị trí chức vụ, công vụ...

Thứ năm, năng lực phản biện chính sách, giải pháp quản lý còn hạn chế. Phản biện là việc đưa ra một ý tưởng, giải pháp khác với đề xuất, được cho là hiệu quả hơn những gì đang được thảo luận để đưa ra giải pháp tối ưu. Phản biện trong tổ chức hành chính thường liên quan đến các hoạt động: hoạch định chính sách đối với các cơ quan hoạch định; xây dựng kế hoạch, giải pháp quản lý; đánh giá một hoạt động. Nghiên cứu về phản biện rất phong phú, cụ thể như sự phản biện trong quan hệ giữa lãnh đạo và của công chức dưới quyền đối với các ý tưởng, chủ trương, kế hoạch sẽ triển khai trong tổ chức hành chính. Đây là nhóm quan hệ phổ biến, phong phú, thường xuyên, gắn liền với hoạt động điều hành, chỉ huy, phục tùng. Vì vậy, phản biện trong quản lý không chỉ là những tư duy phức tạp, trừu tượng mà có thể chỉ đơn giản là bàn bạc một quyết sách hay tìm kiếm giải pháp tốt nhất trên cơ sở đúng pháp luật và có hiệu quả xã hội.

Trong quản lý, điều hành, tổ chức cần sự phản biện như: điều hành hành chính mang tính tổ chức, tính tập thể trong hoạt động. Đã là tổ chức sẽ có sự khác biệt về nhận thức đối với một vấn đề (chủ trương, giải pháp...), khi đó ý tưởng tốt là ý tưởng mang lại hiệu quả của quản lý trên cơ sở chất lọc ý tưởng từ tập thể; điều hành hành chính mang tính mệnh lệnh và trách nhiệm của người đứng đầu, có tính tập trung cao. Nhưng dân chủ trong tổ chức không được triệt tiêu, để tránh sự độc đoán trong điều hành, sự nghèo nàn về ý tưởng. Trong một đơn vị, ý chí của tập thể cần được thể hiện bằng thái độ dân chủ, cởi mở. Còn các cá nhân có thể đưa ra ý kiến độc lập, phản biện để tìm ra giải pháp tốt nhất.

Phản biện là cần thiết, bởi đây còn là chủ trương lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong nguyên tắc làm việc. Trong tổ chức thường có hai xu hướng: cấp dưới không muốn tranh cãi với cấp trên và cấp trên ngại cấp dưới có ý kiến khác. Hai thái cực này đều triệt tiêu phản biện. Như vậy, chỉ những người lãnh đạo đủ năng lực, phẩm chất, không ngại ý kiến trái chiều, tôn trọng cấp dưới và cấp dưới nhận được sự cởi mở, trong không khí thân thiện mới hy vọng có phản biện trong tổ chức(4). Phản biện trong tổ chức hành chính không câu nệ về hình thức, phức tạp về quy trình mang tính chính trị - xã hội phức tạp(5). Sự triệt tiêu phản biện dễ dẫn đến những tiêu cực. Bởi ở đó, tổ chức không phát huy được sức mạnh tập thể, không bổ sung được những gì người đứng đầu còn thiếu, không có cơ hội để những sáng kiến, góp ý và giải pháp quản lý từ cấp dưới như những cộng sự đặc lực. Một tổ chức thiếu không khí phản biện còn tiềm ẩn tình trạng đoàn kết hình thức, chấp hành một chiều, cộng đồng trách nhiệm hạn chế.

Thứ sáu, vấn đề đồng bộ trong nguồn lực xây dựng Chính phủ điện tử. Chính phủ điện tử là một thuật ngữ chính trị - hành chính thể hiện phương pháp quản trị quốc gia hiệu quả. Định nghĩa về Chính phủ điện tử khá phong phú, nhưng đều có điểm chung là nói về vai trò của công nghệ thông tin hỗ trợ các giải pháp quản trị: “Chính phủ điện tử được định nghĩa là việc sử dụng internet và mạng toàn cầu (world-wide-web; hoặc là trạng thái số hóa các hoạt động bên trong và bên ngoài của hoạt động của nhà nước; hoặc là “sự tối ưu hóa cung cấp dịch vụ, quản lý thông qua công nghệ, internet và các phương tiện mới.v.v.”)(6). Chính phủ điện tử liên quan nhiều yếu tố mới phát huy hiệu quả trong xã hội phát triển. Cụ thể là nguồn lực trí tuệ (các kỹ sư, chuyên gia xuất sắc trên thế giới); nguồn lực trong khu vực dịch vụ kinh tế - xã hội vận hành các thành tựu sáng tạo cung cấp; nguồn lực hành chính vận hành cho hoạt động của nhà nước nói chung (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp) và cơ quan hành chính, nhất là cơ quan hành chính nhà nước nói riêng.

Chính phủ điện tử liên quan đến toàn bộ hệ thống hành chính nhà nước, chứ không chỉ là Chính phủ. Mặt khác, nói về chính phủ điện tử không thể bỏ qua sự tham gia của người dân vào hệ thống điều hành của Chính phủ. Bởi công vụ tác động trực tiếp tới xã hội, tổ chức, công dân chiếm tỷ lệ lớn trong toàn bộ thời gian hoạt động của Chính phủ. Như vậy, sự đồng bộ để chính phủ điện tử có thể vận hành một cách trơn tru, hiệu quả thể hiện ở những điểm sau:

Một là, đồng bộ giữa các cơ quan trong hệ thống công quyền. Ở Việt Nam đó là đồng bộ giữa Chính phủ điện tử, Quốc hội điện tử và Tòa án điện tử, Viện kiểm sát điện tử. Nếu trong hệ thống một nhánh quyền lực chưa tham gia vào quản trị điện tử thì công tác quản trị không thể hiệu quả được. Ví dụ, Chính phủ gửi báo cáo, dự thảo luật tới Quốc hội qua mạng, trong khi Quốc hội yêu cầu gửi bằng giấy cho các đại biểu thì sự bất cập về đồng bộ đã bộc lộ (cho dù từ bất kỳ lý do nào).

Hai là, đồng bộ giữa vận hành hoạt động hành chính điện tử giữa các Bộ, ngành theo chiều ngang. Chính phủ là một cơ cấu hệ thống các cơ quan, tổ chức và các cá nhân. Nếu một cơ quan của Chính phủ yếu về công nghệ thì hiệu quả hoạt động của hệ thống sẽ không cao.

Ba là, đồng bộ trong hệ thống hành chính giữa Trung ương và địa phương. Trong một nền hành chính theo nguyên tắc quyền lực thống nhất và Chính phủ thống nhất quản lý nền hành

chính từ Trung ương đến địa phương thì tính đồng bộ trong quản lý các hoạt động trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin là rất quan trọng. Mọi hoạt động giao dịch hành chính (điều hành, chỉ đạo, kiểm tra), qua mạng sẽ mang lại hiệu quả nhanh hơn, tiết kiệm thời gian, phương tiện, vật tư và các chi phí, phụ phí kèm theo.

Bốn là, đồng bộ giữa các hệ thống của nhà nước với xã hội, nhất là với nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân. Vận hành hành chính là sự liên thông giữa Chính phủ với công dân và tổ chức. Tính đồng bộ thể hiện ở sự hợp tác giữa các bên liên quan về điều kiện, khả năng, cơ hội và tâm lý. Về điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trong khi Nhà nước có thể được trang bị tương đối đồng bộ (mới vận hành trôi chảy được), thì việc tham gia của công dân lại không đơn giản để tạo sự đồng bộ bởi sự chênh lệch về điều kiện kinh tế, hạ tầng cơ sở không tương thích giữa các địa phương. Với đa số các giao dịch điện tử, công dân cần tự trang bị và biết sử dụng điện thoại thông minh, hoặc có hệ thống mạng tương đối ổn định để sử dụng máy tính, internet. Hệ thống mạng do dịch vụ công đảm nhiệm, nhưng trang bị cá nhân phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội của mỗi người. Nếu có dịch vụ mà thiếu phương tiện thì không thể giao dịch được. Như vậy, Chính phủ điện tử muốn vận hành tốt, cần một mức thu nhập nhất định của xã hội và công dân.

Năm là, đầu tư phát triển giữa năng lực điều hành và hạ tầng công nghệ thông tin. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị Trung ương lần thứ tư, khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đã đề ra mục tiêu: “Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư giải quyết cơ bản những tắc nghẽn, quá tải, bức xúc và từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững, tăng cường hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, thu hẹp khoảng cách vùng, miền và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, đáp ứng yêu cầu nước ta cơ bản đạt được quy mô và trình độ của nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”(7). Tuy nhiên, tiềm năng vật chất của Việt Nam dành cho quá trình xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần hiện đại hóa hạ tầng một cách tương thích với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, hoặc có chiến lược ưu tiên, mũi nhọn cho lĩnh vực này.

*GS. TS. Nguyễn Hữu Khiển,
nguyên Phó Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia
Nguồn: tcnn.vn*

Ghi chú:

- (1) thanhnien.vn: Công chức hành dân lên bờ xuống ruộng.
- (2) nld.com.vn: Đánh giá công chức chưa thực chất.
- (3) kinhtedothi.vn: Thủ tướng: Tránh tình trạng trao giải thưởng tràn lan, hình thức.
- (4) careerbuilder.vn: Những lý do khiến nhân viên ngại phát biểu.
- (5) lapphap.vn: Phản biện xã hội: ý nghĩa, cơ chế và điều kiện thực thi.
- (6) sites.google.com, chinh-phu-dien-tu.
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI: CHUYỂN ĐỔI SỐ KHÔNG ĐƠN GIẢN LÀ ĐÍCH ĐẾN

Để hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2022, Bộ Giao thông Vận tải vừa yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác định xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Phóng viên TTXVN có cuộc trao đổi với Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Nguyễn Văn Thể xung quanh vấn đề này.

Phóng viên: Bộ trưởng có thể chia sẻ việc triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải năm 2022?

Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể: Để hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2022, Bộ Giao thông Vận tải yêu cầu các cơ quan, đơn vị xác định xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần phải ưu tiên thực hiện để hình thành dữ liệu phục vụ quản lý và cải cách hành chính.

Trên cơ sở các chỉ đạo chung của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị chủ động, tích cực hơn nữa trong triển khai các nhiệm vụ được giao, đặc biệt chủ động nguồn vốn đầu tư; thường xuyên theo dõi, bám sát các chỉ đạo mới của Chính phủ và của Bộ Giao thông Vận tải để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thực hiện của đơn vị nhằm đáp ứng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

Trên cơ sở kế hoạch chung của Bộ, Tổng cục, các Cục chuyên ngành phải xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, phân công đầu mối cụ thể và ưu tiên nguồn lực để triển khai theo đúng thời hạn yêu cầu đối với các nhiệm vụ trọng tâm được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Cùng với đó, các đơn vị tích cực triển khai các dự án công nghệ thông tin đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; chủ động rà soát nội dung, phạm vi công việc nhằm đáp ứng yêu cầu trong quản lý, điều hành gắn với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện cần đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, ứng dụng đang có, từ đó xác định mô hình, khung tổng thể và lộ trình triển khai phù hợp với kiến trúc chính phủ điện tử, kế hoạch xây dựng chính phủ điện tử của Bộ Giao thông Vận tải.

Phóng viên: Quá trình triển khai hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải có những thuận lợi gì, thưa Bộ trưởng?

Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể: Lĩnh vực giao thông vận tải đã ứng dụng công nghệ thông tin trong nhiều năm và đạt được một số kết quả rất khả quan. Bước đầu hiện đại hóa theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin toàn diện trong mọi hoạt động của Bộ Giao thông Vận tải, các đơn vị trực thuộc, các Sở Giao thông Vận tải trên phạm vi cả nước.

Chuyển đổi số ngành giao thông vận tải kế thừa và phát huy những kết quả này. Tuy nhiên, Bộ Giao thông Vận tải nhiều lần nhấn mạnh, chuyển đổi số là vấn đề thay đổi nhận thức và phương thức quản lý từ truyền thống sang ứng dụng toàn diện công nghệ số. Chuyển đổi số là quá trình, không đơn giản là đích đến.

Vì vậy, việc chuyển đổi số phải tiến hành từ nhận thức đến hành động, thực hiện thường xuyên, liên tục trong tất cả các hoạt động về xây dựng chính sách, quản lý nghiệp vụ, vận hành và phải được triển khai đồng bộ ở quy mô toàn xã hội. Việc thực hiện từ các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải, logistics và cả người dân trong quá trình sử dụng các dịch vụ vận tải.

Có thể ví dụ, việc xây dựng chính sách trong lĩnh vực cải cách hành chính. Các đơn vị như Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam đã thay thế toàn bộ hồ sơ giấy bằng dịch vụ hoàn toàn trực tuyến và được pháp lý hóa bằng các thông tư hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính, mang lại sự tiện lợi cũng như tiết kiệm rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

Hay trong lĩnh vực quản lý đường bộ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam đã xây dựng quy trình quản lý tuyến cố định, biển hiệu, phù hiệu cho các xe kinh doanh vận tải bằng quy trình ứng dụng công nghệ toàn diện, giám sát hành trình phương tiện xe ô tô vận tải. Qua đó phát hiện các vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ tự động một cách minh bạch, từ đó nâng cao hiệu quả trong quản lý vận tải và an toàn giao thông.

Đây chính là chuyển đổi số trong quản lý giao thông vận tải, không chỉ là số hóa, tin học hóa quy trình quản lý hành chính mà thay đổi hoàn toàn phương thức quản lý bằng ứng dụng công nghệ.

Thời gian tới, Bộ Giao thông Vận tải sẽ tiếp tục cải cách mạnh mẽ quản lý Nhà nước theo định hướng chuyển đổi số một cách thực tế, hiệu quả. Việc chuyển đổi số sẽ trở thành nhận thức liên tục và hàng ngày trong tất cả các hoạt động của bộ.

Phóng viên: Bộ Giao thông Vận tải vừa ký kết với Bộ Thông tin và Truyền thông về hợp tác chuyển đổi số, Bộ trưởng có thể chia sẻ kết quả và định hướng chuyển đổi số của Bộ trong thời gian tới?

Bộ trưởng Nguyễn Văn Thể: Ngày 22/10/2021, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Thông tin và Truyền thông đã ký Chương trình phối hợp về chuyển đổi số ngành giao thông vận tải giai đoạn 2021 - 2025. Đây là một bước tiến quan trọng, thể hiện quyết tâm chuyển đổi số của ngành giao thông vận tải trong lộ trình chuyển đổi số chung của các cơ quan Nhà nước.

Việc phối hợp giữa hai Bộ thể hiện cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo hai ngành trên cơ sở phát huy đầy đủ vai trò, thế mạnh và nguồn lực sẵn có của mỗi Bộ, làm cơ sở cho việc phối hợp các cơ quan trực thuộc về việc chuyển đổi số, coi nhiệm vụ chuyển đổi số là thành phần hữu cơ, gắn kết chặt chẽ với công tác, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ Giao thông Vận tải với sự hỗ trợ trực tiếp từ Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các nội dung phối hợp bao gồm xây dựng, tạo lập nền tảng pháp lý cho việc triển khai hoạt động theo hướng tự chủ công nghệ, phát triển các nền tảng số, hạ tầng số. Các nội dung này bám sát theo định hướng của Chính phủ về việc xây dựng Chính phủ số, kinh tế số để có thể chuyển đổi số một cách mạnh mẽ, toàn diện trong mọi hoạt động quản lý cũng như thúc đẩy thị trường giao thông vận tải trên phạm vi các nước.

Chuyển đổi số của Bộ Giao thông Vận tải bao gồm 5 định hướng chính: Trong đó, định hướng thứ nhất là nâng cao nhận thức về chuyển đổi số một cách sâu rộng trong Bộ Giao

thông Vận tải, chuyển đổi số không nằm độc lập mà trở thành hoạt động gắn kết chặt chẽ với công tác quản lý của Bộ Giao thông Vận tải. Tiếp theo là định hướng kiến tạo thể chế cho phép tạo rào cản pháp lý cho những mô hình kinh doanh mới, sáng tạo nhưng phải hoạt động tuân thủ pháp luật.

Để làm được điều đó, các cán bộ quản lý của ngành giao thông vận tải phải có nhận thức đầy đủ về chuyển đổi số và tham mưu cho lãnh đạo những hình thức quản lý phù hợp, hạn chế những "lỗ hổng chính sách" cho những mô hình kinh doanh mới.

Định hướng thứ ba là phát triển Chính phủ số theo hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác và cập nhật, có tính pháp lý để tự động hóa ra quyết định và hỗ trợ ra quyết định. Tập trung vào việc xây dựng các hệ thống phục vụ người dân và doanh nghiệp, lấy lợi ích của người dân làm trung tâm, giảm chi phí nguồn lực xã hội trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Định hướng thứ tư là phát triển các hệ thống giao thông thông minh, đưa Việt Nam tiếp cận và bắt kịp các nước có hạ tầng giao thông phát triển. coi công nghệ số là chìa khóa để hiện đại hóa ngành giao thông.

Định hướng thứ năm, là phát triển nền kinh tế số theo hướng ứng dụng công nghệ, đưa các dịch vụ giao thông hiện đại tới từng người dân và giảm chi phí vận tải - logistics cho doanh nghiệp.

Với các định hướng trên, Bộ Giao thông Vận tải sẽ hoàn thành cơ sở dữ liệu nền tảng giao thông dùng chung vào năm 2022 theo hướng làm đến đâu sẽ ứng dụng ngay đến đó. Các dữ liệu trong lĩnh vực hàng hải, đường bộ, đăng kiểm đã sẵn sàng ngay trong thời điểm này phục vụ quản lý hành chính và đã phát huy ngay hiệu quả, được người dân và doanh nghiệp ủng hộ. Chuyển đổi số của Bộ Giao thông Vận tải nói riêng và ngành giao thông vận tải nói chung sẽ nhanh chóng mang lại nhiều lợi ích trực tiếp cho xã hội, góp phần mạnh mẽ cho hiện đại hóa đất nước.

Về kinh phí chuyển đổi số của ngành giao thông vận tải, Bộ Giao thông Vận tải xác định không chỉ từ nguồn ngân sách Nhà nước mà phải bao gồm các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, người dân với các dịch vụ giao thông vận tải, từ đó mới có thể thực hiện được các mục tiêu của chương trình chuyển đổi số ngành giao thông vận tải. Vì thế, Bộ Giao thông Vận tải luôn hoan nghênh các doanh nghiệp đề xuất các giải pháp hợp tác trong chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ lĩnh vực giao thông vận tải.

Phóng viên: Xin cảm ơn Bộ trưởng!

Nguồn: bnews/ttxvn

GỠ RÀO CẢN 'LÀM KHÓ' DOANH NGHIỆP

Nhận định về cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp thời gian qua, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho rằng, nhìn chung các chính sách được ban hành kịp thời, đã nhìn 'trúng' và 'đúng' các đối tượng cần hỗ trợ. Tuy vậy, thực tế cũng cho thấy vẫn

còn không ít bất cập, hạn chế cần sớm giải quyết nhằm loại bỏ những quy định cản trở sự phát triển của doanh nghiệp.

Xu hướng gia tăng điều kiện kinh doanh mới

Tại Hội thảo “Dòng chảy pháp luật kinh doanh năm 2021” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức mới đây, nhiều ý kiến từ phía cộng đồng doanh nghiệp bày tỏ lo ngại về những thông tư (hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật) chưa phù hợp, bất hợp lý, gây khó cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Phó Trưởng Văn phòng đại diện Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) tại Hà Nội Trần Hoàng Yến nêu ví dụ, việc duy trì, mở rộng các đối tượng, danh mục hàng chế biến phải kiểm dịch như Thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT, Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT và Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, là biện pháp quá mức và không cần thiết, chưa phù hợp với chủ trương cắt giảm danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành cũng như thông lệ quốc tế. Do đó, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm sửa đổi các thông tư nói trên. Đáng lưu ý, đây chỉ là một trong số nhiều kiến nghị đến các cơ quan quản lý mà Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam kiên trì theo đuổi nhằm giảm bớt áp lực cho doanh nghiệp.

Một ví dụ nữa là sự xuất hiện các sản phẩm, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới đã đặt ra thách thức cho các cơ quan chức năng trong việc xác định cách quản lý phù hợp. Dịch COVID-19 làm nảy sinh nhu cầu về dịch vụ khám, chữa bệnh từ xa, song pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh chưa có quy định về hình thức này, gây vướng mắc cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ y, được vốn rất cần thiết cho cuộc sống.

Theo Trưởng ban Ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Đậu Anh Tuấn, Chính phủ thúc đẩy cải cách, cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp nhưng một số chính sách đề xuất soạn thảo trong năm 2021 lại có xu hướng gia tăng điều kiện kinh doanh mới.

Từ kinh nghiệm tiếp xúc, nắm bắt thông tin với doanh nghiệp, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Phạm Tấn Công cho rằng, trong những đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh và chi phí tuân thủ, doanh nghiệp vẫn nhìn thấy tính hình thức, một số quy định bất hợp lý chưa được điều chỉnh. Xu hướng siết chặt quản lý ở một số ngành, lĩnh vực là nghịch lý tồn tại trong soạn thảo chính sách. Thêm vào đó, chất lượng của thông tư, công văn vẫn còn nhiều điểm quan ngại, ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của hoạt động cải cách thể chế.

Kết luận phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, đầu tháng 3/2022, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ đánh giá, công tác cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và mong muốn của người dân, doanh nghiệp; người dân, doanh nghiệp vẫn còn băn khoăn về "giấy phép con"... Nguyên nhân chủ quan là xuất phát từ nhận thức, sự quan tâm lãnh đạo, thực hiện của người đứng đầu các cấp hành chính, liên quan tới thể chế, bộ máy, con người và việc vận hành, quy trình, thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh cải cách hành chính

Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, 94% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch COVID-19 nên chính sách về kinh doanh nhằm chia sẻ và thúc đẩy sự phục hồi của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Nếu không được hỗ trợ mà còn có thêm cản trở thì doanh nghiệp rất khó trụ vững trên thị trường.

Với quan điểm này, Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội Phan Đức Hiếu cho rằng, quá trình phục hồi của doanh nghiệp vẫn đứng trước nhiều thách thức, đòi hỏi nỗ lực, tốc độ cải cách mạnh mẽ, toàn diện hơn; phải đồng đều và chủ động, cụ thể trong các cơ quan, đơn vị thực thi. Chuyên gia kinh tế Nguyễn Đình Cung cũng nhấn mạnh, cần “tăng nhiệt cải cách”, bởi điều đó không chỉ cải thiện môi trường kinh doanh, mà còn tăng sức chống chịu của nền kinh tế.

Trong kế hoạch hoạt động năm 2022, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ dự kiến tổ chức 5 hội nghị đối thoại với doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; tiếp nhận kiến nghị về những rào cản trong hoạt động kinh doanh quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính; tham vấn các hiệp hội doanh nghiệp phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh...

Tại phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu, trong năm 2022 phải tạo ra bước đột phá trong cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân và doanh nghiệp để khơi dậy và huy động mọi nguồn lực phát triển đất nước, nâng cao hiệu quả, hiệu lực điều hành của các Bộ, ngành, địa phương.

Các Bộ, ngành, địa phương đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện cải cách hành chính, cụ thể: Xây dựng, hoàn thiện thể chế phục vụ cải cách hành chính; tiếp tục rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đầu tư nguồn lực về tài chính, con người; lắng nghe ý kiến của các cơ quan, đơn vị, người dân, cầu thị để đẩy mạnh cải cách hành chính.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu, tiếp tục đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện thể chế về cải cách hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành, địa phương, chủ động xử lý, tập trung tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn, huy động nguồn lực để phát triển và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

QUẢNG NINH: NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra chỉ tiêu: Hằng năm giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

(PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính (PAPI). Để đạt được các chỉ tiêu này cần có sự đóng góp không nhỏ của công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh cơ chế một cửa liên thông

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các văn bản, kế hoạch triển khai cụ thể; công bố, công khai các quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh... Năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành 22 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính, 123 văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính, công bố 1.553 thủ tục hành chính.

Các thủ tục hành chính đều được các đơn vị, địa phương niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công các huyện, thị, thành phố, trụ sở các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Cùng với đó, việc rà soát, đưa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã vào giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã được thực hiện thường xuyên. Tính đến hết năm 2021, có 1.319 thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trong đó có 1.270 thủ tục của các sở, ngành, còn lại của cơ quan Trung ương và của một số doanh nghiệp. Trong 1.270 thủ tục này, có 929 thủ tục thực hiện theo nguyên tắc 5 tại chỗ.

Tất cả các thủ tục hành chính đưa vào giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đều được xây dựng quy trình nội bộ giải quyết, đảm bảo phân rõ người, rõ trách nhiệm, rõ việc, rõ thời gian giải quyết; gắn với rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết so với thời gian quy định. Qua đó, năm 2021, Sở Tư pháp đã cắt giảm thời gian của 93 thủ tục hành chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cắt giảm thời gian của 108 thủ tục hành chính, Sở Công Thương cắt giảm thời gian 128 thủ tục hành chính... Những kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính đều được xem xét, giải quyết kịp thời

Tăng cường thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

Cùng với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tỉnh cũng đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trước hết, các sở, ngành, địa phương tích cực tuyên truyền làm thay đổi nhận thức của người dân, trong đó vận động người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với những thủ tục đủ điều kiện; hướng dẫn thực hiện hỗ trợ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Năm 2021, đã có trên 2.000 lượt tin, bài phóng sự đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính.

Cùng với đó, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, trong đó có Văn bản số 4842/UBND-XD6 ngày 27/7/2021 về việc thực hiện cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4. Hiện nay, toàn tỉnh đã cung cấp 1.862 dịch vụ công, trong đó 557 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 1.102 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh đã hoàn thành tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia là 1.180 thủ tục.

Qua đó, việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã được các sở, ngành, địa phương thực hiện nhanh chóng, Năm 2021, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đã tiếp nhận gần hơn 857.500 hồ sơ, trong đó có gần 326.100 hồ sơ trực tuyến. Các đơn vị đã giải quyết hơn 834.900 hồ sơ, trong đó có 402.526 hồ sơ giải quyết trước hạn.

Được biết, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có mục tiêu đến năm 2025, 100% thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh được cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đáp ứng yêu cầu, nhu cầu sử dụng khai thác của các cơ quan, đơn vị và người dân, doanh nghiệp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

Việc hoàn thành các mục tiêu này không chỉ đóng góp vào thành công thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV về các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính; mà còn đóng góp vào việc thực hiện thành công Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh Nguyễn Hải Vân: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hiện thủ tục hành chính

Bám sát theo chủ trương, định hướng của Chính phủ và của tỉnh về chuyển đổi số, thời gian tới, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ninh sẽ tập trung triển khai hệ thống hồ sơ số. Trong đó trọng tâm là số hóa toàn bộ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trong tất cả các bước thực hiện, từ tiếp nhận hồ sơ đến trả kết quả cho tổ chức, công dân; xây dựng kho dữ liệu hồ sơ dùng chung để cán bộ và công dân có thể truy cập lưu trữ, khai thác, sử dụng; thiết lập các công cụ thao tác trên kho dữ liệu số để tạo sự thuận tiện trong quá trình thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, trung tâm cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ số hỗ trợ quá trình giải quyết thủ tục hành chính, như: Dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp; dịch vụ bưu chính công ích tích hợp với trang thông tin tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên các mạng xã hội, cung cấp thông tin dữ liệu chuyển phát hồ sơ theo thời gian thực; dịch vụ chứng thực điện tử tích hợp ngay trong bước tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính...

Cùng với đó là đẩy mạnh thực hiện thanh toán điện tử, kết nối với tất cả hệ thống thanh toán của các ngân hàng thương mại, các đơn vị thanh toán trung gian, dịch vụ ví điện tử, để người dân có thể lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp nhất, thuận tiện nhất. Phần đầu đến năm 2025 đạt chỉ tiêu 100% thanh toán không dùng tiền mặt.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Quảng Hà (huyện Hải Hà) Phan Văn Việt: Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng và người đứng đầu

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà bao gồm 23 khu phố, số lượng hồ sơ, thủ tục hành chính cần giải quyết tăng gấp nhiều lần so với trước (năm 2019 tiếp nhận 10.995 hồ sơ, đến năm 2021 tiếp nhận 15.575 hồ sơ). Thị trấn đã bố trí cán bộ, công chức có đủ năng lực, tiêu chuẩn để tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch hành chính; giải quyết tốt các thủ tục hành chính đúng thời gian... Thường xuyên lấy phiếu khảo sát của cá nhân, tổ chức khi đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của thị trấn, nhằm nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ.

Để thực hiện có hiệu quả việc chuyển đổi số và hoàn thành các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính giai đoạn tiếp theo, Ủy ban nhân dân thị trấn tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, người đứng đầu thị trấn đối với công tác này; đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử và tiếp tục triển khai các biện pháp hiệu quả khác.

Chị Vương Thị Vân Anh (tổ 3b, khu 1, phường Hùng Thắng, TP. Hạ Long): Chuyển biến rõ nét trong thái độ làm việc, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính

Do thường đến Trung tâm Hành chính công TP. Hạ Long thực hiện các thủ tục hành chính nên tôi nhận thấy sự thay đổi, hiệu quả rõ rệt trong giải quyết của chính quyền thành phố, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

Thái độ làm việc, ứng xử của cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận hồ sơ đã chuyển biến rõ rệt. Các thủ tục được công khai, minh bạch, người dân đến giao dịch rất thuận tiện. Đặc biệt, trong thời gian diễn biến dịch bệnh phức tạp, thành phố đã có sự linh hoạt trong cách làm, tổ chức thực hiện, để không bị gián đoạn việc giải quyết của công dân. Với cách làm như vậy, người dân rất phấn khởi, đồng thuận cao.

Phó Trưởng phòng Phòng Đầu tư - Môi trường (Công ty Than Nam Mẫu) Nguyễn Đình Thành: Nâng cao chất lượng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện công vụ

Cách đây ít ngày, chúng tôi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để thực hiện thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai. Tôi thấy bộ phận tài nguyên và môi trường tiếp nhận lượng hồ sơ khá lớn. Các chuyên viên phải làm việc với cường độ cao, nhưng rất tận tình, chu đáo hướng dẫn cho chúng tôi các bước chuẩn bị hồ sơ. Đồng thời hướng dẫn thực hiện thủ tục qua dịch vụ công trực tuyến. Sau khi truy cập vào trang, tôi thấy các thủ tục được hướng dẫn rất rõ ràng, cụ thể.

Việc thực hiện thủ tục qua hình thức trực tuyến rất thuận tiện, tạo điều kiện cho công dân, tổ chức rất nhiều. Hồ sơ của chúng tôi nộp từ ngày 28/3/2022 đến ngày 07/4/2022, đã được

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và chuyển sang Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, giải quyết nhanh chóng. Tôi đánh giá rất cao tinh thần cầu thị, không ngừng nâng cao chất lượng, dịch vụ của chính quyền các cấp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân khi đến làm việc.

Nguồn: baoquangninh.com.vn

BAN BÍ THƯ:

KẾT LUẬN VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ GIỮ CHỨC VỤ HÀM

Ngày 01/4/2022, Thay mặt Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư Võ Văn Thưởng ký Kết luận số 33-KL/TW của Ban Bí thư về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ giữ chức vụ hàm.

Xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ giữ chức vụ hàm trong các cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội (Tờ trình số 156-TTr/BTCTW, ngày 25/02/2022) và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Chấm dứt việc bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ hàm ở các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị kể từ ngày 01/4/2022 (chức vụ hàm ngoại giao thực hiện theo quy định riêng).

2. Đối với cán bộ, công chức hiện đang giữ chức vụ hàm thì thực hiện như sau:

Thời gian công tác còn dưới 5 năm thì giữ nguyên chức vụ hàm và chế độ, chính sách đến khi nghỉ hưu.

Thời gian công tác còn trên 5 năm thì khi hết thời hạn bổ nhiệm (5 năm từ ngày được bổ nhiệm) không bổ nhiệm lại chức vụ hàm mà xem xét, bố trí công tác phù hợp.

3. Đối với cán bộ, công chức đang giữ chức vụ trưởng hoặc tương đương có thời gian công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định còn dưới 5 năm (60 tháng) do sắp xếp tổ chức bộ máy không tiếp tục bố trí làm vụ trưởng hoặc có nguyện vọng thôi công tác quản lý, điều hành thì xem xét bố trí công tác phù hợp và được bảo lưu chế độ, chính sách hiện hưởng cho đến khi nghỉ hưu.

4. Giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện Kết luận này trong hệ thống chính trị. Đồng thời, nghiên cứu tiêu chuẩn, điều kiện để thực hiện chế độ chuyên gia cao cấp, chế độ, chính sách đối với cán bộ làm nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu chiến lược trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ở Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội để trình Ban Bí thư xem xét.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 12/4, Chính phủ ký Nghị quyết số 54/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025.**

Nghị quyết đặt mục tiêu tổng quát là hình thành cơ cấu hợp lý, hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực; giữa các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; phát triển được nhiều sản phẩm quốc gia dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao; tạo bứt phá về năng lực cạnh tranh của một số ngành kinh tế chủ lực và chuyên biến thực chất, rõ nét về mô hình tăng trưởng, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, nâng cao tính tự chủ, khả năng thích ứng, sức chống chịu của nền kinh tế.

Về mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân trên 6,5%/năm, trong đó tốc độ tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 6,5 - 7%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động của các vùng kinh tế trọng điểm và 05 thành phố trực thuộc trung ương cao hơn tốc độ tăng năng suất lao động trung bình cả nước.

Nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng, trong đó năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt khoảng 45% GDP.

Đến năm 2025, thu hẹp khoảng cách về năng lực cạnh tranh quốc gia với các nước trong nhóm ASEAN-4, đặc biệt đối với các chỉ số về thể chế, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực. Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 bình quân 3,7% GDP. Giảm tối thiểu 10% tổng số đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021, có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 05 năm khoảng 32 - 34% GDP. Nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công đạt mức tiệm cận quốc tế.

Nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng duy trì ở mức dưới 3%, từng bước phát triển thị trường mua bán nợ chuyên nghiệp, bền vững, trong đó thiết lập, vận hành có hiệu quả Sàn giao dịch nợ nhằm thúc đẩy thị trường mua bán nợ xấu, trong đó Công ty Quản lý tài sản (VAMC) là trung tâm của thị trường. Tất cả các ngân hàng thương mại (không bao gồm các ngân hàng yếu kém) áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn.

Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt tối thiểu 85% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP, dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 20% GDP.

Chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai trong bộ Chỉ số về năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) tăng 10 - 15 bậc so với năm 2019. Hoàn thành việc xây dựng và công khai Hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý và sử dụng đất đai.

Chỉ số chất lượng đào tạo nghề trong bộ Chỉ số về năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) tăng 40 - 50 bậc; Chỉ số kỹ năng của sinh viên tăng 45 bậc so với năm 2019. Tỷ trọng chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt không dưới 1% GDP; số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm giai đoạn 2021 - 2025.

Phần đầu đạt khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp, trong đó có khoảng 60.000 đến 70.000 doanh nghiệp quy mô vừa và lớn; tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP khoảng 55%; tối thiểu có 05 đến 10 sản phẩm quốc gia xây dựng được thương hiệu quốc tế. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt khoảng 20%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%. Phần đầu đến hết năm 2025 có khoảng 35.000 hợp tác xã, trong đó có trên 3.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản, khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

5 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Thứ nhất, tập trung hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập.

Thứ hai, phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Thứ ba, phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Thứ tư, phát triển kinh tế đô thị, tăng cường liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn và phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn.

Thứ năm, cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế.

*** Ngày 12/4, Chính phủ ký ban hành Nghị định số 25/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.**

Theo đó, Khoản 4 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau: "4. Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi liên tỉnh là việc cung ứng dịch vụ bưu chính giữa hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên".

Đối với Khoản 1, Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau: "1. Khi chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng dự án, tạm ngừng, giãn tiến độ thực hiện dự án, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, thanh lý dự án đầu tư hoặc có các điều chỉnh khác đối với dự án đầu tư, nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư và thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính. 2. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư không bao gồm việc chuyển nhượng giấy phép bưu chính, văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính trừ trường hợp gắn với việc chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp"...

Ngoài ra, Nghị định bổ sung Điều 15đ về khuyến mại trong cung ứng dịch vụ bưu chính. Cụ thể, việc khuyến mại trong cung ứng dịch vụ bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại.

Mức giảm giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính được khuyến mại bằng hình thức giảm giá không được vượt quá 50% giá cước gần nhất đã công khai, thông báo theo quy định.

Nghị định cũng bổ sung Điều 15c công khai giá cước dịch vụ bưu chính. Cụ thể, đối tượng thực hiện gồm: Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính; đại lý cung ứng dịch vụ bưu chính có quyền quyết định, điều chỉnh giá cước dịch vụ bưu chính.

Nội dung công khai: Giá cước dịch vụ bưu chính bằng đồng Việt Nam, đã gồm các loại thuế, phụ phí của dịch vụ; thông tin liên quan khác (nếu có). Thời điểm công khai kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ.

Hình thức công khai: dưới một hoặc một số hình thức như niêm yết tại điểm phục vụ, thông báo bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc các hình thức khác để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của mọi tổ chức, cá nhân.

Giá cước dịch vụ bưu chính được công khai phải thống nhất với giá cước mà doanh nghiệp, tổ chức đã thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính.

Nghị định cũng bổ sung Điều 15b thông tin về dịch vụ bưu chính, về người gửi, người nhận và liên quan đến bưu gửi. Cụ thể, trước khi cung ứng dịch vụ bưu chính, doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp cho người sử dụng dịch vụ bằng một hoặc một số hình thức (như niêm yết tại điểm phục vụ, thông báo bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc các hình thức khác) các thông tin sau đây: Loại dịch vụ; chất lượng dịch vụ; giá cước dịch vụ; nguyên tắc bồi thường thiệt hại; mức bồi thường thiệt hại; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ bưu chính; những thông tin liên quan khác.

Trước khi sử dụng dịch vụ bưu chính, người gửi có trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông tin về người gửi, người nhận, thông tin liên quan đến bưu gửi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các thông tin đã cung cấp, cụ thể như sau:

Thông tin về người gửi, người nhận, gồm: Họ và tên, địa chỉ và số điện thoại (nếu có); thông tin liên quan đến bưu gửi, gồm: Nội dung gói, kiện hàng hóa.

Trường hợp hàng hóa phải có các giấy tờ đi kèm khi vận chuyển theo quy định của pháp luật, người gửi có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc bản sao hóa đơn, chứng từ, giấy phép chuyên ngành, giấy chứng nhận hoặc giấy tờ khác có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Thông tin về thời gian, địa điểm chấp nhận bưu gửi bằng một trong các hình thức: Đóng dấu ngày, viết tay, in, dán nhãn hoặc thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử.

Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có trách nhiệm lưu trữ thông tin về người gửi, người nhận và thông tin liên quan đến bưu gửi tối thiểu 1 năm kể từ ngày được cung cấp.

Bên cạnh đó, Điều 15a được bổ sung vào sau Điều 15 như sau: “Điều 15a. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính, chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi.

1. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính (bằng văn bản giấy hoặc điện tử) sử dụng trong quá trình cung ứng dịch vụ bưu chính phải thống nhất với mẫu hợp đồng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bưu chính, cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính hoặc mẫu hợp đồng đã thông báo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính.

2. Chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi (bằng văn bản giấy hoặc điện tử) giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và người gửi có giá trị pháp lý như hợp đồng ký kết bằng văn bản giữa các bên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính điện tử, chứng từ điện tử xác nhận việc chấp nhận bưu gửi được thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính có trách nhiệm: a) Lưu trữ các tài liệu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này tối thiểu 05 năm; b) Cung cấp các tài liệu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc trong các trường hợp được pháp luật cho phép”.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ QUỐC PHÒNG: QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU CHỈNH TRỢ CẤP HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN

Ngày 02/4, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 22/2022/TT-BQP quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Thông tư nêu rõ, điều chỉnh tăng thêm 7,4% trên mức trợ cấp hằng tháng của tháng 12 năm 2021 đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg; quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg theo công thức:

Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng từ tháng 01/2022	=	Mức trợ cấp hằng tháng được hưởng tại thời điểm tháng 12/2021	x	1,074
--	---	---	---	-------

Mức trợ cấp hằng tháng của các đối tượng sau khi đã được điều chỉnh tăng thêm, cụ thể như sau: Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 2.031.000 đồng/tháng; Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 2.123.000 đồng/tháng; Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 2.217.000 đồng/tháng; Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 2.309.000 đồng/tháng; Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 2.400.000 đồng/tháng...

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/5/2022.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Ngày 08/4/2022, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký Quyết định số 471 chỉ định các đồng chí tham gia Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm:

- Thiếu tướng Lê Văn Tuyên, Thứ trưởng Bộ Công an;
- Thiếu tướng Nguyễn Văn Long, Thứ trưởng Bộ Công an.

Bộ Chính trị chỉ định 3 đồng chí tham gia Đảng ủy Công an Trung ương:

Các đồng chí được Bộ Chính trị chỉ định tham gia Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm:

- Đại tá Lê Minh Hà, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương;
- Đại tá Nguyễn Ngọc Lâm, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu;
- Đại tá Lê Ngọc Châu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

Điều động ông Hà Kim Ngọc, nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Hoa Kỳ trở lại công tác tại Bộ Ngoại giao và tiếp tục giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

Bổ nhiệm ông Đỗ Hữu Huy, Chánh Văn phòng Ban cán sự đảng, Chánh Văn phòng Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Ông Đặng Đình Quý, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, nguyên Đại sứ, Trưởng Phái đoàn đại diện thường trực Việt Nam bên cạnh Liên hợp quốc tại New York, Hoa Kỳ thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao kể từ ngày 01/4/2022 và chuyển công tác về Học viện Ngoại giao để làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo quy định tại Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013.

* Bộ Quốc phòng:

Đại tá Trần Quang Tuấn, Phó Tham mưu trưởng Cảnh sát biển được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2.

Thượng tá Trần Xuân Lương, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng, Phụ trách Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tham mưu trưởng Cảnh sát biển.

Đại tá Lê Minh Quang, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9.

Đại tá Nguyễn Thúc Linh, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang được bổ nhiệm giữ chức vụ Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Nguyễn Văn Hận, Phó Giám đốc Công an tỉnh Bạc Liêu được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Kiên Giang thay cho Đại tá Đỗ Triệu Phong đã được Bộ Công an điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, kể từ ngày 01/3/2022.

Ông Phan Quang Toàn, Trưởng khoa Khoa Ngoại tổng hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Bệnh viện 30-4, Bộ Công an.

Ông Nguyễn Trung Cang, Giám đốc Trung tâm Ung bướu được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Bệnh viện 30-4, Bộ Công an.

Thượng tá Lê Đức Bảy, Trưởng Công an quận Cái Răng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an TP. Cần Thơ.

*** Tỉnh Quảng Trị:**

Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, Trưởng phòng Phòng doanh nghiệp và hợp tác đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 08/4/2022.

Ông Phan Văn Hóa, Giám đốc Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, kể từ ngày 12/4/2022.

Ông Nguyễn Đức Thiện, Giám đốc Trung tâm phục vụ đối ngoại, Sở Ngoại vụ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, kể từ ngày 08/4/2022.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với bà Đinh Thị Hồng Minh vì đã được điều động và bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Ông Nguyễn Cao Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy Quảng Ngãi được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Hoàng Quân, Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bầu giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Nguồn: baochinhphu.vn